

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro biến động kinh tế	5
2. Rủi ro pháp luật	5
3. Rủi ro đặc thù	6
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	6
5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....	6
6. Rủi ro khác	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1. Tổ chức phát hành– Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan.....	9
2. Tổ chức Tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (IRS).....	9
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	11
1.2. Giới thiệu về Công ty	12
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	12
Cơ cấu tổ chức Công ty	13
3. Cơ cấu bộ máy quản lý	14
4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông	17
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	18
6. Hoạt động kinh doanh	18
6.1 Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận từng loại sản phẩm dịch vụ	19

6.2	Nguyên vật liệu	22
6.3	Chi phí sản xuất.....	23
6.4	Trình độ công nghệ của Công ty	24
6.5	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	27
6.6	Tình hình quản lý và kiểm tra chất lượng sản phẩm	27
6.7	Hoạt động Marketing	28
6.8	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	28
6.9	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết	28
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	29
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh.....	29
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua 29	
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	31
8.1	Vị thế công ty trong ngành.....	31
8.2	Triển vọng phát triển của ngành	31
8.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	32
9.	Chính sách đối với người lao động	34
10.	Chính sách cổ tức	35
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	36
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản	36
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	40
12.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	41
13.	Tài sản của công ty	56
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012	58
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	59

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty	59
17. Các thông tin, các tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu chào bán.....	59
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	60
1. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông	60
2. Mệnh giá : 10.000 đồng/ cổ phần	60
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành : 1.960.000 cổ phần, bao gồm:	60
A, Phát hành cho cổ đông hiện hữu.....	60
B, Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động.....	61
C, Phát hành cho cổ đông chiến lược	61
4. Phương pháp và cơ sở tính giá	61
5. Các bước phân phối và thời gian thực hiện.....	62
6. Đăng ký mua cổ phiếu.....	64
7. Phương thức thực hiện quyền.....	66
8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	67
9. Các loại thuế có liên quan	67
10. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	68
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG.....	68
1. Mục đích phát hành	68
2. Phương án khả thi.....	69
2.1. Giới thiệu chung về dự án.	69
2.2. Sự cần thiết đầu tư.....	69
2.3. Địa điểm đầu tư.....	70
2.4. Lựa chọn công nghệ đầu tư.....	70
2.5. Tổng mức đầu tư hiệu quả dự án.....	73

VII.KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG	77
PHỤ LỤC	78
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG	79
I. TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH	79
II. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	79

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro biến động kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ phát triển của các ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất có sử dụng hợp chất Mangan và qua đó gián tiếp ảnh hưởng tới ngành khai thác và chế biến các sản phẩm từ khoáng sản Mangan. Ngược lại, nền kinh tế chậm phát triển sẽ kéo theo sự sụt giảm về nhu cầu của các sản phẩm có sử dụng hợp chất Mangan và cuối cùng là ảnh hưởng đến ngành công nghiệp khai thác và chế biến quặng Mangan.

Sản phẩm của Công ty chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc (trên 90%) và một phần bán trong thị trường trong nước dùng trong các ngành công nghiệp sản xuất thép. Trung Quốc là quốc gia có nền kinh tế phát triển cao và ổn định hàng đầu thế giới trong suốt những năm qua, GDP hàng năm của Trung Quốc luôn duy trì ở mức trên 8.4%, sản lượng thép nguyên liệu sản xuất ra của quốc gia này cũng tăng trưởng mạnh trên 20% trong 3 năm trở lại đây.

Trong những năm qua, kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định, trung bình từ 7,5 – 8,5%/năm. Tuy nhiên từ đầu năm 2008, kinh tế thế giới bắt đầu rơi vào khủng hoảng và Việt Nam cũng nằm trong cơn bão đó. Cuối năm 2008, chính phủ đã có nhiều động thái nhằm kiềm hãm chỉ số giá tiêu dùng, thắt chặt tín dụng chống lạm phát, bình ổn kinh tế vĩ mô. Cùng với những biện pháp tích cực từ Mỹ, châu Âu, các tổ chức quốc tế, đến nay sự suy thoái của nền kinh tế thế giới đã có dấu hiệu chững lại. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, những năm gần đây ngành công nghiệp sản xuất thép cũng duy trì sự tăng trưởng cao trên 10%.

Sự tăng trưởng nhanh và ổn định nền kinh tế có ảnh hưởng tốt đến sự phát triển của ngành. Do vậy, có thể thấy rủi ro biến động của nền kinh tế với Công ty là không cao.

2. Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và niêm yết trên thị trường chứng khoán, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách có thể xảy ra và sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, Công ty phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về môi trường; Hàng năm Công ty phải đầu tư hoàn trả lại mặt bằng, trồng cây xanh tái tạo môi trường dẫn đến phát sinh thêm chi phí, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Đây là đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành và đợt chào bán cổ phiếu được thực hiện nhằm mục tiêu bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty có thể gặp rủi ro không bán hết số cổ phiếu đã đăng ký chào bán.

Toàn bộ phương án phát hành đã được gửi cho cổ đông để xin ý kiến và toàn bộ cổ đông đã thông qua phương án phát hành với tỷ lệ biểu quyết cao; ngoài ra, Công ty cũng đã thăm dò nhu cầu của thị trường. Vì vậy, rủi ro của đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên Công ty là rất nhỏ. Trong trường hợp xảy ra rủi ro không bán hết số cổ phiếu đăng ký chào bán, lượng cổ phiếu chưa phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng: Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác theo giá phát hành phù hợp tại thời điểm phát hành nhưng không ưu đãi hơn so với cổ đông hiện hữu Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn thời gian phát hành nếu xét thấy cần thiết. Đồng thời Hội đồng quản trị Công ty cũng chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác như: nguồn vốn tự có, nguồn vốn tín dụng từ ngân hàng... để đảm bảo duy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Việc chào bán cổ phiếu bổ sung tăng vốn điều lệ của Công ty sẽ làm tăng số cổ phiếu lưu hành trên thị trường. Do đó, nếu Công ty vẫn chủ trương duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức như cũ thì cần lượng tiền nhiều hơn để chi trả cổ tức và ảnh hưởng đến lợi nhuận giữ lại. Trong trường hợp hoạt động kinh doanh của Công ty có biến động lớn hoặc có những cơ hội kinh doanh mới trong khi dự án đầu tư chưa sinh lời, Công ty có thể sẽ gặp những áp lực về việc trả cổ tức cũng như nguồn vốn cho đầu tư.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Trong trường hợp công ty thực hiện chào bán thêm cổ phần, lợi nhuận sau thuế trên một cổ phiếu (EPS) có thể giảm do lợi nhuận không tăng tương ứng trong ngắn hạn.

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) được tính như sau:

Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

EPS = _____

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

Ví dụ: EPS được tính dựa trên kết quả kinh doanh 4 quý gần nhất

Giả sử công ty phát hành thành công số lượng cổ phiếu dự kiến trong tháng 12/2009.

Lợi nhuận sau thuế 4 quý gần nhất từ Q4/2008, Q1/2009, Q2/2009, Q3/2009 là: **3,912 tỉ đồng.**

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân: 1.200.000 cổ phiếu

EPS bình quân 4 quý trước khi phát hành: **3.260 đồng/cổ phiếu**

Sau khi phát hành số lượng cổ phiếu bình quân:

$$1.200.000 \times 11 + 1.960.000 \times 1$$

$$\frac{\text{Số lượng cổ phiếu}}{\text{lưu hành bình quân}} = \frac{1.200.000 \times 11 + 1.960.000 \times 1}{12} = 1.263.333 \text{ cổ phần}$$

12

EPS bình quân 4 quý sau phát hành: **3.096 đồng/cổ phiếu (như vậy đã giảm so với EPS trước phát hành là 164 đồng/cổ phiếu).**

Ngoài ra, việc phát hành thêm còn có những tác động sau:

- Giá trị sổ sách trên từng cổ phần có thể sẽ bị ảnh hưởng khi công ty phát hành thêm cổ phiếu do số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên.

Nguồn vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và các quỹ khác

Giá trị sổ sách 1CP = _____

Số cổ phần đã phát hành

- Điều chỉnh kỹ thuật giá của cổ phiếu công ty trên thị trường: hiện nay cổ phiếu của công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội. Vì vậy, các thông tin liên quan đến việc phát hành cổ phiếu như khối lượng cổ phiếu phát hành, đối tượng chào bán, giá chào bán...sẽ làm cho giá cổ phiếu được điều chỉnh kỹ thuật trong

phạm vi nhất định. Nhà đầu tư có thể tham khảo công thức điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu như sau:

$$P = \frac{Pt-1 + (I \times PR)}{1 + I}$$

P: giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng

Pt-1: giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng

I: là tỷ lệ vốn tăng

PR: là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

Giao dịch của các cổ đông lớn và cổ đông nội bộ có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu công ty

Quyết định thực hiện mua-bán cổ phiếu công ty của một số cổ đông lớn hoặc cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban điều hành có thể gây ảnh hưởng đến giá giao dịch của cổ phiếu công ty trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch hoạ.v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Hàng năm, Công ty luôn có chính sách mua bảo hiểm cho cán bộ, công nhân viên và các tài sản, vật tư, thiết bị có giá trị lớn. Mức bảo hiểm đủ để Công ty không bị thiệt hại khi có sự cố bất khả kháng xảy ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành– Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan

Ông Phạm Như Tâm	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Đình Lân	Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Dũng	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức Tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (IRS)

Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Chức vụ : Tổng Giám đốc
------------------------------	--------------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành thêm cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (IRS) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Công ty	: Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan
Tổ chức niêm yết	: Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan
Mangan J.S.C	: Tên viết tắt của công ty Cổ phần Mangan
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
TNNH	: Trách nhiệm hữu hạn
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BHYT	: Bảo hiểm y tế
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
KCS	: Kiểm tra chất lượng sản phẩm
VILAS	: Vietnam Laboratory Accreditation Scheme - Hệ thống công nhận phòng thí nghiệm Việt Nam
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Mangan có tiền thân là xí nghiệp Mangan được thành lập theo Quyết định số 52/QĐ-CT ngày 09/02/2001 của Giám đốc Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh (nay là Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh -tên giao dịch: MITRACO Hà Tĩnh). MITRACO Hà Tĩnh là một Doanh nghiệp Nhà nước có 23 đơn vị thành viên trực thuộc, với gần 3.000 cán bộ công nhân viên, hàng trăm kỹ sư và cán bộ kỹ thuật, hàng ngàn công nhân lành nghề, được chuyên môn hoá với trình độ KHKT cao, toàn bộ hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh đều được áp dụng và đạt tiêu chuẩn ISO 9001-2000.

Với sự phát triển nhanh chóng của Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, năm 2003 xí nghiệp Mangan được chuyển thành Công ty Mangan, trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, theo Quyết định số 61/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Đến năm 2005, thực hiện chủ trương của Đảng- Nhà nước chuyển đổi mô hình sản xuất từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Với sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, Công ty Mangan từng bước thực hiện sắp xếp lại Doanh nghiệp theo Quyết định số 1299/QĐ- UBND ngày 06/12/2005 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Mangan thành Công ty Cổ phần Mangan, trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.



(Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh)

Công ty Cổ phần Mangan có vốn chủ sở hữu là **8.000.000.000** đồng (tám tỷ đồng chẵn). Khi cổ phần hoá, vốn chủ sở hữu này được chia thành 800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Vốn điều lệ này được ghi nhận trong giấy chứng nhận ĐKKD của Công ty Cổ phần Mangan cấp lần đầu ngày 28/03/2006. Mặc dù Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu của Công ty cấp ngày 28/03/2006, tuy nhiên trong thời gian hoàn tất các thủ tục chuyển đổi và xin cấp giấy chứng nhận ĐKKD (từ ngày 1/1/2006 đến 27/3/2006), Công ty vẫn phát sinh một số chi phí quản lý như văn phòng phẩm, điện nước..., mặc dù trong thời gian này hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tạm thời bị gián đoạn không thực hiện. Do vậy, việc Công ty lựa chọn năm tài chính đầu tiên được bắt đầu từ ngày 01/01/2006 vẫn phản ánh đúng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2007 và năm 2008, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên **12.000.000.000** đồng và thực hiện niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN**
- Tên tiếng Anh : **MANGANESE MINERAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **Mangan Mineral, JSC**
- Địa chỉ : Xã Phú Lộc – Huyện Can Lộc – Tỉnh Hà Tĩnh
- Website : www.mangan.vn
- Điện thoại : (84).0393.840.195 - Fax: (84).0393.840.195.
- Biểu tượng :



- Tên giao dịch quốc tế: **Ha Tinh Minerals and Trading Corporation**
- Vốn điều lệ hiện tại: **12.000.000.000** (Mười hai tỷ) đồng
- Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty bao gồm: Khai thác, chế biến, thu mua quặng Mangan; Kinh doanh mua, bán, chế biến sâu các loại sản phẩm từ quặng Mangan và sản phẩm đi kèm quặng Mangan, quặng Dolomit, quặng sắt và phụ gia cho luyện thép. Sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các loại phương tiện vận tải đường bộ.

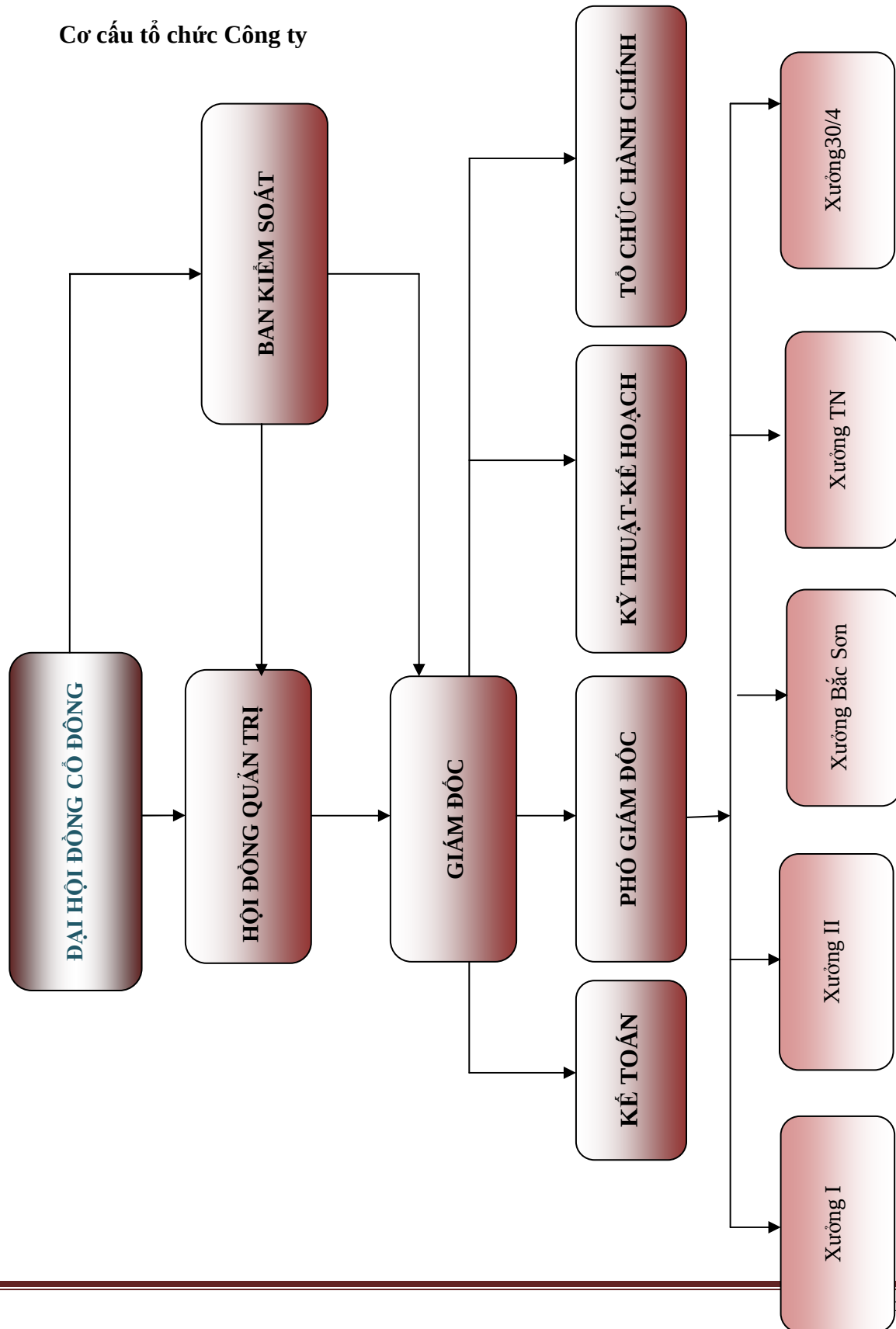
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2007

Cơ cấu tổ chức Công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện nay HĐQT của Công ty có 05 thành viên bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT. Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

Ông Phạm Như Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Đình Lân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
Ông Bùi Văn Minh	Ủy viên HĐQT
Ông Đinh Quang Tuấn	Ủy viên HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Trọng Tuyên	Ủy viên HĐQT

Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện nay bao gồm:

Bà Lê Thị Thanh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Thân Văn Quế	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Nga	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Giám đốc

Ban giám đốc của Công ty bao gồm Giám đốc và Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật. Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty. Cơ cấu Ban giám đốc hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Đình Lân

Giám đốc

Ông Đinh Quang Tuấn

Phó Giám đốc

Các phòng ban chức năng:

Phòng Kế toán: Chức năng báo cáo cho ban Giám đốc về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện vai trò tham mưu cho Giám đốc về công tác hoạt động tài chính của Công ty; theo dõi, kiểm tra và lập báo cáo về tình hình sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản; giám sát hoạch toán kế toán nội bộ của các phân xưởng, hạch toán chi phí của từng đối tượng theo chế độ kế toán hiện hành; lập báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm theo chế độ báo cáo tài chính hiện hành; lập kế hoạch thu, chi, theo dõi các khoản phải thu, phải trả.

Phòng Hành chính - Tổng hợp: Chức năng quản lý hồ sơ lao động, chế độ lương, khen thưởng, chế độ kỷ luật, đào tạo, lập kế hoạch tiền lương và các chế độ BHXH, BHYT; quản lý cơ sở vật chất của Công ty, thu mua văn phòng phẩm, giữ gìn môi trường, vệ sinh trong khuôn viên Công ty, đảm bảo công tác an toàn trong lao động, phòng cháy, chữa cháy. Có chức năng tham mưu giúp HĐQT và Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:

- ✓ Tổ chức nhân sự sản xuất;
- ✓ Quy hoạch, đào tạo, đề bạt, miễn nhiệm và nhận xét công nhân viên hàng năm theo đúng tiêu chuẩn và quy chế Công ty;
- ✓ Thực hiện công tác tuyển dụng, quản lý và sử dụng lao động;
- ✓ Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nội dung kỷ luật lao động của công nhân viên các khối cơ quan trong Công ty

Phòng Kỹ thuật – Kế hoạch: Chức năng kiểm tra chất lượng sản phẩm, thường xuyên cải tiến thiết bị, hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tổ chức hướng dẫn an toàn lao động và tổ chức thi nâng bậc tay nghề cho công nhân và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác thương mại...

Có nhiệm vụ quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng, cung ứng vật tư, hệ thống máy móc thiết bị, dây truyền tuyến quặng, công tác đầu tư mới của Công ty.

Có chức năng thực hiện thăm dò, khảo sát địa chất, nâng cấp và tìm kiếm mỏ mới để xác định chi tiết trữ lượng quặng của các mỏ cần khai thác. Việc thăm dò của phòng được diễn ra liên tục trên địa bàn trong và ngoài tỉnh.

Nhìn chung mô hình tổ chức hiện tại của Công ty đã đáp ứng được với yêu cầu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc phân cấp của Công ty đối với các bộ phận trực thuộc đã tạo điều kiện cho các đơn vị phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác quản lý và điều hành sản xuất, trong việc phát triển thị trường cũng như trong việc thực thi định hướng phát triển chung của Công ty.

Các xưởng luyện: có chức năng nhiệm vụ sau:

Quản lý toàn bộ tài sản, lao động, vật tư, thiết bị được giao. Thực hiện sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn.

Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty về toàn bộ công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của nhà máy.

Tổ chức chế biến sâu Khoáng sản, luyện xỉ Mangan, gang từ quặng Mangan đạt tiêu chuẩn chất lượng bảo đảm tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, tận thu triệt để tài nguyên, nâng cao hiệu quả xuất kinh doanh.

Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, công tác môi trường tại khu vực sản xuất, sinh hoạt và địa phương, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, giữ vững và quan hệ tốt với chính quyền, nhân dân địa phương nơi nhà máy sản xuất.

Thực hiện tốt công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và tài sản.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

Biểu 2: Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty (Tại thời điểm 12/10/2009)

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh	Số 2, đường Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	520.000	5.200.000.000	43,33
Phạm Như Tâm	Tổ 8 – TT Cẩm Xuyên, T. Hà Tĩnh	500	5.000.000	0,041
Nguyễn Đình Lân	P. Bắc Hà-TP. Hà Tĩnh, T. Hà Tĩnh	1.000	10.000.000	0,083
Tổng cộng		521.500	5.215.000.000	43,45

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan)

Doanh nghiệp chính thức đăng ký kinh doanh thành Công ty cổ phần từ 28/3/2006, tính đến thời điểm 12/10/2009 các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

Biểu 3: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty (Thời điểm 12/10/2009)

Tên cổ đông	Số CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh	612.000	6.120.000.000	51,00%
Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	93.800	938.000.000	7,81%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan)

Biểu 4: Cơ cấu Cổ đông của Công ty (thời điểm 12/10/2009)

TT	Cổ đông	Số lượng CP	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông cá nhân	424.762	4.247.620.000	35,40
	- Trong nước	421.162	4.211.620.000	35,10
	- Nước ngoài	3.600	36.000.000	0,30
2	Cổ đông tổ chức	775.238	7.752.380.000	64,60
	- Trong nước	774.238(*)	7.742.380.000	64,52
	- Nước ngoài	1.000	10.000.000	0,08
TỔNG CỘNG		1.200.000	12.000.000.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan)

(*) Bao gồm cả cổ phiếu quỹ 19.375 cổ phiếu

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan Hà Tĩnh:

Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh (MITRACO Hà Tĩnh).

Địa chỉ: Số 6, Phan Đình Phùng, thị xã Hà Tĩnh, Tp. Hà Tĩnh.

Cổ phần nắm giữ: **612.000** cổ phần Công ty CP Khoáng sản Mangan, tương ứng **51%** vốn điều lệ.

- Công ty con của tổ chức phát hành: Không có
- Công ty mà tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

Sản phẩm chính của Công ty là các loại quặng Mangan có hàm lượng Mangan từ 20% Mangan trở lên chia ra thành các loại sản phẩm như sau:



- Quặng có hàm lượng Mn từ 20-23%
- Quặng có hàm lượng Mn từ 24-27%
- Quặng có hàm lượng Mn từ 28-29%
- Quặng có hàm lượng Mn từ 30-34%
- Quặng có hàm lượng Mn trên 35%

Sản phẩm quặng Mangan của Công ty

Sản phẩm quặng Mangan được dùng nhiều làm nguyên liệu đầu vào luyện Ferromagan, một hợp chất quan trọng dùng trong các ngành công nghiệp luyện thép. Ngoài ra, Mangan cũng được sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp khác như công nghiệp nhuộm, sản xuất sơn...v.v.

Mangan là kim loại màu nâu xám, giống sắt. Đây là một loại kim loại cứng và rất giòn, khó nóng chảy, nhưng lại bị ôxi hóa dễ dàng. Mangan chỉ có từ tính sau khi đã qua xử lý đặc biệt. Trạng thái ôxi hóa phổ biến của nó là +2, +3, +4, +6 và +7, mặc dù trạng thái ôxi hóa từ +1 đến +7 đã được ghi nhận. Mn^{2+} thường tương tác với Mg^{2+} trong các hệ thống sinh học, và các hợp chất có mangan mang trạng thái ôxi hóa +7 là những tác nhân ôxi hóa mạnh.

Mangan có vai trò quan trọng trong sản xuất sắt thép vì có tác dụng khử lưu huỳnh, khử ôxi, và mang những đặc tính của hợp kim. Hiện tại, công nghệ luyện thép và luyện sắt sử dụng nhiều mangan nhất (chiếm khoảng 85-90% tổng nhu cầu). Trong những mục đích khác, mangan là thành phần chủ yếu trong việc sản xuất thép không gỉ với chi phí thấp, và có trong hợp kim nhôm. Kim loại này còn được thêm vào dầu hỏa để giảm tiếng nổ lọc xọc cho động cơ. Mangan điôxít được sử dụng trong pin khô, hoặc làm chất xúc tác. Mangan còn được dùng để tẩy màu thủy tinh (loại bỏ màu xanh lục do sắt tạo ra), hoặc tạo màu tím cho thủy tinh. Mangan ôxít là một chất nhuộm màu nâu, dùng để chế tạo sơn, và là thành phần của màu nâu đen tự nhiên. Kali penmanganat là chất ôxi hóa mạnh, dùng làm chất tẩy uế trong hóa học và y khoa. Phốtphát hóa mangan là phương pháp chống rỉ và ăn mòn cho thép. Nó thường hay được dùng để sản xuất tiền xu. Hiện nay, không có giải pháp công nghệ thực tế nào có thể thay thế mangan bằng chất liệu khác hay sử dụng các trầm tích trong nước hoặc các công nghệ làm giàu.

6.1 Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận từng loại sản phẩm dịch vụ

a) Tình hình sản lượng khai thác qua các năm

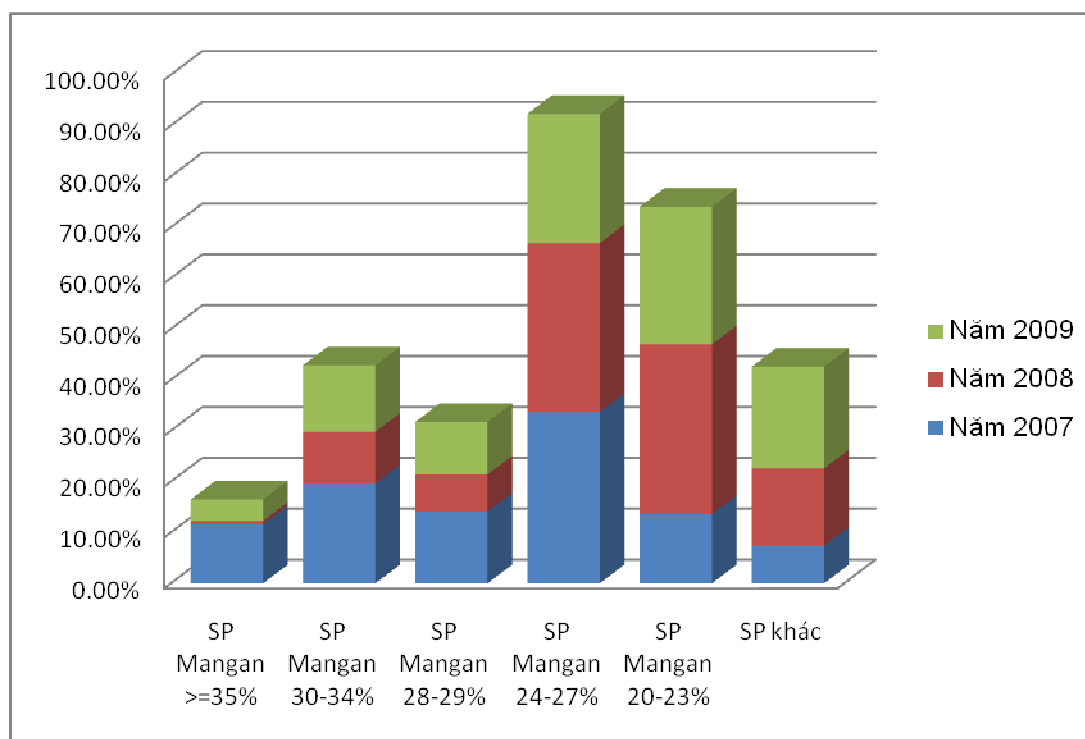
Biểu 5: Cơ cấu Sản lượng khai thác qua các năm

Đơn vị: tấn

Nhóm sản phẩm	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Khối lượng	Tỷ lệ	Khối lượng	Tỷ lệ	Khối lượng	Tỷ lệ
SP Mangan >=35%	3.512,43	11,6%	192,17	0,7%	1.146,81	4,2%
SP Mangan 30-34%	5.938,4	19,6%	2.878,32	10,2%	3.559,42	13,07%
SP Mangan 28-29%	4.234,82	14,1%	2.041,35	7,3%	2.814,1	10,31%
SP Mangan 24-27%	10.184,02	33,7%	9.342,8	33,2%	6.929,92	25,4%
SP Mangan 20-23%	4.104,38	13,6%	9.382,75	33,4%	7.369,09	27,02%
SP khác	2.247,16	7,4%	4.288,13	15,2%	5.455,88	20%
Tổng	30.221,21	100%	28.125,52	100%	27.275,22	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan)

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG NĂM 2007 – 2008 - 2009



b) Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh từng nhóm sản phẩm, dịch vụ

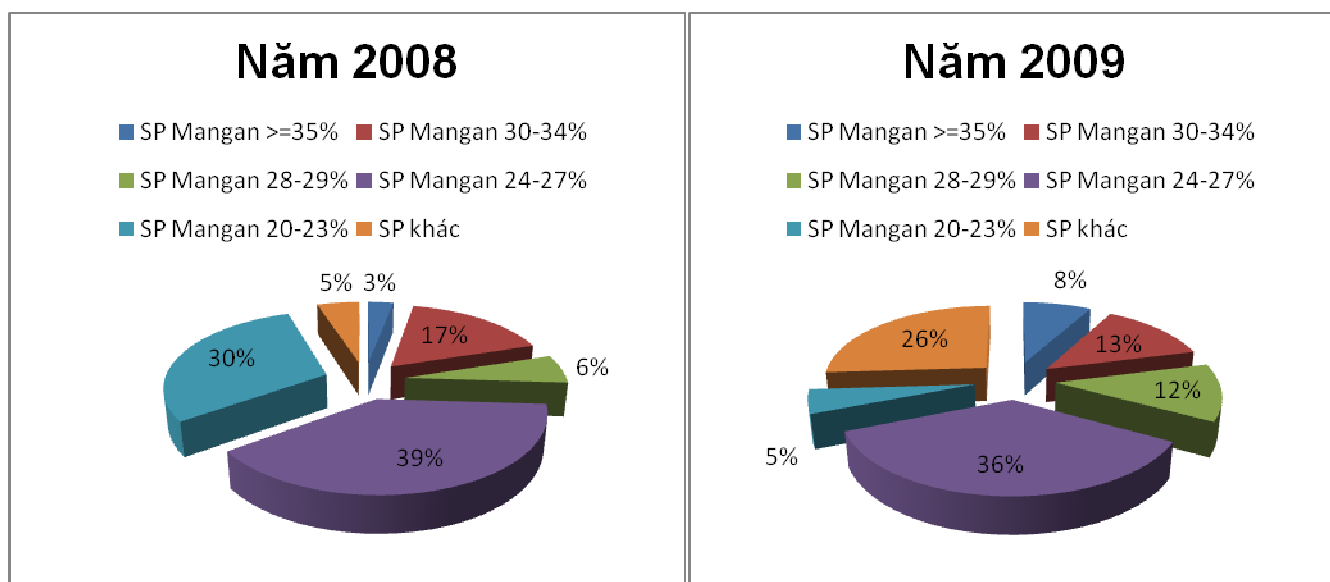
Biểu 6: Doanh thu từng loại sản phẩm dịch vụ

Đơn vị: Triệu đồng

Nhóm sản phẩm	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Doanh thu	Tỷ lệ	Doanh thu	Tỷ lệ	Doanh thu	Tỷ lệ
SP Mangan >=35%	4.634	18%	656	3%	1.900	8%
SP Mangan 30-34%	5.149	20%	3.937	17%	3.103	13%
SP Mangan 28-29%	4.119	16%	1.500	6%	3.109	12%
SP Mangan 24-27%	7.980	31%	9.093	39%	9.028	36%
SP Mangan 20-23%	2.574	10%	6.960	30%	1.131	5%
SP khác	1.287	5%	1.289	5%	6.515	26%
Tổng	25.743	100%	23.436	100%	24.786	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan)

DOANH THU TỪNG LOẠI SẢN PHẨM NĂM 2008 - 2009



c) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh từng nhóm sản phẩm, dịch vụ

Biểu 7: Lợi nhuận gộp từng loại sản phẩm dịch vụ

Đơn vị: Triệu đồng

Nhóm sản phẩm	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Lợi nhuận gộp	Tỷ lệ	Lợi nhuận gộp	Tỷ lệ	Lợi nhuận gộp	Tỷ lệ
SP Mn >=35%	1.763	17%	501	4%	1.147	5,8%
%SP Mn 30-34%	1.866	18%	2.253	18%	3.328	16,9%
SP Mn 28-29%	1.866	18%	751	6%	2.885	14,6%
SP Mn 24-27%	2.800	27%	5.007	40%	8.457	42,8%
SP Mn 20-23%	1.452	14%	3.505	28%	2.922	14,8%
SP khác	622	6%	501	4%	1003	5,1%
Tổng	10.369	100%	12.517	100%	19.741	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan)

6.2 Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính đầu vào của Công ty là quặng Mangan. Ngoài ra trong quá trình sản xuất Công ty còn sử dụng các loại dầu diezen, mỡ, điện... dùng cho hoạt động của các xí nghiệp khai thác. Các nhà cung cấp chính cho các loại nhiên liệu này bao gồm Công ty xăng dầu Nghệ tĩnh, Công ty điện lực 1...

b. Sự ổn định của nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Trữ lượng quặng Mangan trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là khá lớn. Trữ lượng mỏ đã được thăm dò chi tiết là 715.625 tấn trong đó tổng trữ lượng đã khai thác từ năm 2001 đến 30/9/2009 là 225.243 tấn.

Trữ lượng mỏ dựa trên số liệu của Tổng cục địa chất nhưng chưa được Công ty tiến hành thăm dò chi tiết là 384.000 tấn, ngoài ra còn những địa bàn khác trong tỉnh mà Công ty chưa tiến hành thăm dò.

Với trữ lượng đã thăm dò chi tiết còn lại như trên và mức khai thác hiện tại (trung bình 30.000 tấn/năm), số năm ước tính để khai thác là 16 năm chưa tính đến trữ lượng mỏ mà Công ty chưa tiến hành thăm dò chi tiết.



Năng lượng điện được Công ty đăng ký sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia nên hoạt động rất ổn định.

Nhiên liệu dầu, mỡ diezen, và các nguyên liệu phụ khác được cung cấp từ nhiều nguồn khác nhau và rất sẵn có trên thị trường, việc lựa chọn nhà cung cấp chủ yếu dựa trên cơ sở chất lượng và giá cả.

6.3 Chi phí sản xuất

Công ty thực hiện kiểm soát các chi phí bằng việc xây dựng các định mức chung cho toàn Công ty như: định mức về tiêu hao nguyên vật liệu, định mức về nhân công cho từng nhóm sản phẩm. Công ty cũng liên tục thực hiện các biện pháp cải tiến trong quản lý, tiết kiệm tối đa các chi phí tăng hiệu quả trong kinh doanh.

Biểu 8: Yếu tố chi phí

Đơn vị: Nghìn đồng

YẾU TỐ CHI PHÍ	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
Giá vốn hàng bán	15.373.460	59,7%	10.919.477	46,6%	15.523.309	62,2%
Chi phí bán hàng	5.612.378	21,8%	4.310.311	18,4%	2.772.198	11,1%
Chi phí QLDN	2.109.945	8,2%	3.163.670	13,5%	2.701.968	10,9%
Chi phí tài chính	120.357	0,5%	15.939	0,06%	-	-
Chi phí khác	137.149	0,5%	5.155	0,02%	-	-
Tổng cộng	23.353.289	90,7%	18.414.552	78,6%	20.997.475	84,31%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008, 2009)

6.4 Trình độ công nghệ của Công ty

a. Quy trình sản xuất

Quặng Mangan được phân bố trong lớp bờ rời, trên mặt tầng chứa quặng thường là lớp thực vật (bao gồm cả cây tự nhiên và vườn rừng của nhân dân). Vì vậy sau khi được chuẩn bị mặt bằng máy xúc sẽ xúc trực tiếp vào tầng chứa quặng. Sau đó, đất đá sẽ được bốc xúc chuyển lên ô tô chuyển vào xưởng tuyển với cung độ từ 1- 4km.

Các khoáng vật chủ yếu của Mangan có tỷ trọng khác biệt với khoáng vật khác và đất đá, cứng giòn có ánh kim. Nguồn quặng khai thác thường lẫn nhiều đất sét. Để tuyển quặng Mangan thông thường người ta áp dụng phương pháp tuyển trọng lực. Tuyển trọng lực giữ vai trò chính, là khâu chuẩn bị cho các khâu chuyển tiếp theo như qua sàng song, máy rửa cánh vuông, máy lắng phân cỡ hạt... Quy trình tuyển thô được mô tả như sau

- Đất đá sau khi được máy xúc đào xúc lên xe ô tô vận chuyển về nhà máy. Tại bãi cấp liệu, đất đá được đổ vào bunke cấp liệu. Tại đây dùng các súng bắn nước áp lực lớn bắn vào đất đá đã được cấp trên bunke. Dưới tác động của áp lực nước, đất đá và các khoáng vật được phân rã và tách rời nhau, các phần sét bám vào khoáng vật, đá được tách ra. Các khoáng vật và đá kích thước 100 mm x100 mm được nằm lại trên sàng song. Toàn bộ hỗn hợp nước, bùn sét và khoáng vật có kích thước nhỏ hơn 100 mm được dẫn vào máy rửa cánh vuông. Tại đây bùn sét được chảy tràn ra ngoài, còn lại toàn bộ khoáng vật và đá được máy rửa đẩy vào sàng quay.



Súng bắn nước áp lực lớn sử dụng trong khâu sàng lọc



Hệ thống máy lắng tại một xí nghiệp khai thác

Công đoạn phân cỡ hạt và tuyển nâng cao hàm lượng (tuyển tinh):

- Các khoáng vật Mangan và đá được đưa vào sàng quay, sàng quay có lưới sàng cỡ 20 mm. Sau khi qua sàng quay, toàn bộ khoáng vật Mangan và đá được phân ra 2 loại cỡ hạt: cỡ lớn hơn 20 mm được đưa ra ngoài bằng băng tải. Công nhân sẽ

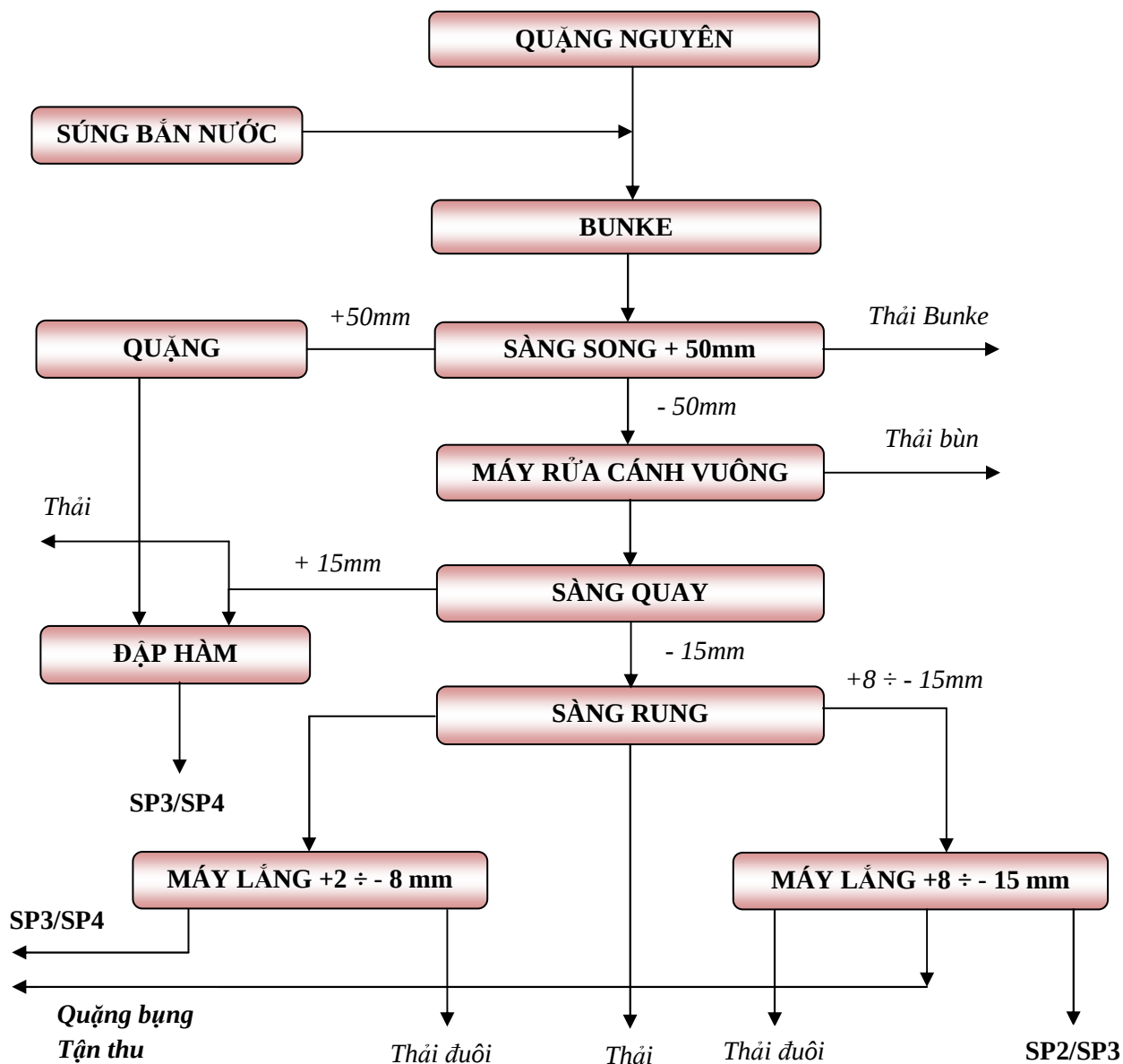
tuyển chọn quặng Mangan, phần đá còn lại đưa ra bãi thải. Cỡ hạt nhỏ hơn 20 mm được dẫn xuống hệ thống sàng rung.

- Quặng Mangan qua sàng rung được phân ra 2 loại cỡ hạt: lớn hơn 8mm và nhỏ hơn 8mm. Toàn bộ quặng từ sàng rung được đưa xuống các dây máy lắng theo các cỡ hạt.
- Máy lắng hoạt động theo nguyên tắc trọng lực, tại đây quặng Mangan có tỷ trọng lớn, phân bố chủ yếu vào phía dưới và khoáng vật đá tỷ trọng nhẹ phân bố chủ yếu ở lớp trên cùng. Sau khi lắng phân lớp xong, công nhân lấy sản phẩm quặng Mangan vào băng tải và đưa vào bãi sản phẩm. Phần thải ở các dây máy lắng được chở lên các bãi chứa thải để đưa xử lý tiếp bằng công nghệ tuyển tận thu.
- Tại các bãi sản phẩm, việc chọn tay chỉ sử dụng khi cần thiết phải nâng cao thêm hàm lượng quặng Mangan.

b. Trình độ công nghệ

Quá trình sản xuất của công ty chủ yếu là khai thác, sàng tuyển, do vậy yêu cầu về công nghệ của công ty không cần quá phức tạp. Theo đánh giá, trình độ công nghệ của công ty ở mức khá, cơ khí hoá được 70% các công đoạn sản xuất. Khi chưa thực hiện các dự án nâng cao hàm lượng Mangan trong các sản phẩm thì trình độ công nghệ của công ty hiện nay là phù hợp với điều kiện và yêu cầu về khai thác khoáng sản của công ty.

SƠ ĐỒ KHAI THÁC MANGAN



Ghi chú: Tất cả các sản phẩm lấy ra đều được tuyển chọn, phân loại theo chỉ tiêu kỹ thuật

SP1: $\geq 40\% \text{ Mn}$

SP2: $38 \div < 40\% \text{ Mn}$

SP3: $35 \div < 38\% \text{ Mn}$

SP4: $30 \div < 35\% \text{ Mn}$

SP5: $26 \div < 30\% \text{ Mn}$

Trong quá trình khai thác và chế biến, Công ty luôn đảm bảo việc bảo vệ môi trường, hệ thống nước thải được tính đến đầy đủ trong quá trình xây dựng hệ thống nhà xưởng khai thác. Sau khi khai thác xong, khu vực khai trường được trồng cây xanh trở lại (quá trình hoàn thổ cho khai trường). Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cho công nhân như: quần áo, găng tay, giày dép, khẩu trang và nón bảo hộ.

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Phòng Kỹ thuật – Kế hoạch của công ty trong những năm qua đã nghiên cứu và phát triển để cho ra những sản phẩm mới theo tiêu chuẩn xuất khẩu, luôn đáp ứng yêu cầu khách hàng.

Do đặc tính của quặng Mangan là phân bố trong lớp vỏ rori, trên mặt tầng chứa quặng thường là lớp thực vật, do vậy khi tiến hành khai thác quặng Mangan rất dễ gây nên những tác động xấu đến môi trường và có khả năng sản phẩm Mangan khai thác không tinh luyện.

6.6 Tình hình quản lý và kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty luôn chủ động quan tâm đến chất lượng sản phẩm và thiết lập hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với ngành khai thác khoáng sản. Trong đó các tiêu chí và mục đích mà công ty luôn hướng tới là:

- Đảm bảo các chất lượng các sản phẩm đạt yêu cầu của khách hàng, phù hợp các qui định của Nhà nước và các qui định của Công ty;
- Khai thác, chế biến tiết kiệm và hợp lý tài nguyên khoáng sản có trong vùng mỏ;
- Bảo vệ và phát triển bền vững môi trường;
- Đảm bảo và phát triển lợi ích của khách hàng, của Công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên của nhà máy.

Để xuất khẩu quặng, sản phẩm của công ty phải trải qua ba quá trình phân tích và kiểm tra chất lượng.

Thứ nhất: Kiểm soát chất lượng trong quá trình này chính là quá trình kiểm soát chất lượng được thực hiện theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 áp dụng tại tất cả các công đoạn sản xuất của công ty.

Thứ hai: Sau khi được quặng được tuyển, các sản phẩm quặng được đưa tới phòng phân tích của Tổng công ty để phân tích hàm lượng quặng. Phòng phân tích của Tổng Công ty được trang bị các thiết bị phân tích hiện đại, chuyên môn hoá cao và đạt tiêu chuẩn VILAS (đây là điều kiện cần thiết để các sản phẩm quặng của công ty có thể được xuất khẩu ra thị trường quốc tế).

Thứ ba: Trước khi xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài, công ty và đối tác cùng ký hợp đồng giám định chất lượng quặng tại cảng Xuân Hải (Hà Tĩnh) để giám định chất lượng của sản phẩm quặng lần cuối trước khi chuyển lên tàu. Quá trình kiểm soát chất lượng này phù hợp với định hướng của Tổng Công ty, coi chất lượng là máu chốt để công ty phát triển bền vững.



Một số hình ảnh Phòng Phân tích tại Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh

6.7 Hoạt động Marketing

Tại công ty cổ phần khoáng sản Mangan, tuy rằng chưa có bộ phận Marketing chuyên biệt nhưng Ban lãnh đạo công ty đã phối hợp với Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh đề ra chính sách nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tạo uy tín với thị trường tiêu thụ. Các khách hàng chính của Công ty là các đối tác nước ngoài, chủ yếu là các công ty Trung Quốc. Do vậy Công ty luôn ý thức xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong mắt khách hàng, tạo uy tín về chất lượng sản phẩm và thời gian giao hàng. Chất lượng sản phẩm và uy tín của Công ty là bước đầu cho xây dựng thương hiệu của Công ty cổ phần Khoáng sản Mangan.

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền



Nhãn hiệu này chưa được đăng ký bản quyền

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết

Biểu 9: Các hợp đồng lớn đang được ký kết

Số hợp đồng	Đối tác	Năm	Sản phẩm	Khối lượng	Giá trị (nghìn đồng)
MN-01/2009	Vạn phát Phú (T/Quốc)	2009	Quặng Mn	5.000	7.565.000
MN-02/2009	Cty TNHH TM XNK	2009	Quặng Mn	1.000	1.192.600

Số hợp đồng	Đối tác	Năm	Sản phẩm	Khối lượng	Giá trị (nghìn đồng)
Wanminh					
MN-06/2009	Công ty Hùng Hưng	2009	Quặng Mn	970	1.156.822
MN-08/2009	Quinzhou zhuyue mining co., LTD	2009	Quặng Mn	970	1.383.000
MN-09/2009	Guangxi Menghua Technology	2009	Quặng Mn	970	1.381.280
MN-10/2009	Cty TNHH D/vụ & thương mại Tú Tài	2009	Quặng Mn	5.000	6.000.000

Các hợp đồng với các khách hàng lớn trên thường được Công ty ký kết 3 tháng/lần sau khi lượng hàng đã được giao cho khách hàng. Công ty và khách hàng sẽ ký lại một hợp đồng cung cấp hàng hóa cho giai đoạn tiếp theo.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Biểu 10: Tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1	Tổng giá trị tài sản	22.059.216	20.796.194	37.715.936
2	Doanh thu thuần	25.743.269	23.436.954	24.785.767
3	Lợi nhuận từ HĐKD	2.654.533	5.821.915	3.944.771
4	Lợi nhuận khác	201.216	2.738	45.455
5	Lợi nhuận trước thuế	2.855.750	5.824.653	3.990.226
6	Lợi nhuận sau thuế	2.855.750	5.066.030	3.610.893
7	Tỷ lệ chia cổ tức	15%	20%	Dự kiến 20%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008, 2009)

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua

Những yếu tố thuận lợi

- Tiềm năng về quặng Mangan phong phú, phân bố trên diện tích đồi núi trọc là cơ bản, các mỏ lộ thiên, điều kiện khai thác thuận lợi.

- Cơ sở vật chất của Công ty được xây dựng ổn định, các máy móc thiết bị, phương tiện cơ giới có chất lượng tốt.
- CBCNV có chuyên môn nghiệp vụ cơ bản, tâm huyết với nghề nghiệp, chịu khó, nhiệt tình, hăng say với lao động, nhạy bén trong tiếp cận với thị trường.
- Hệ thống quản lý, điều hành được áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000.
- Các xưởng khai thác được xây dựng tập trung ngay tại mỏ khai thác, tạo thành một dây chuyền khép kín, khai thác - chế biến – tồn trữ - tiêu thụ. Điều này giúp làm giảm chi phí vận chuyển, hạ giá thành sản phẩm nhập kho và giá bán sản phẩm tiêu thụ.
- Nhu cầu của thị trường đối với sản phẩm của Công ty rất cao, do nhu cầu chế biến thép những năm gần đây tăng cao trên thị trường thế giới và trong nước.

Những yếu tố khó khăn

- Địa hình đồi dốc, khe suối nhiều, công tác sản xuất gặp nhiều khó khăn khi thời tiết mưa, đường giao thông nội mỏ bị sạt lở nhiều gây tốn kém nhiều chi phí.
- Mỏ Mangan nằm rải rác, ổ mạch len lỏi trong các sườn đồi núi và phân bố rải rác trong toàn tỉnh. Các moong quặng cách xa nhau và trữ lượng không đồng đều. Từ các moong này sang các moong khác có thể phải mở đường liên thông để khai thác. Đây là một trong số các khó khăn khi tiến hành khai thác quặng mangan.
- Chi phí giải phóng mặt bằng, đền bù đất đai lớn, một số hộ dân gây khó khăn cản trở trong công tác giải phóng mặt bằng.
- Công nghệ tuyển chế tạo tại Việt Nam nên độ bền, độ chính xác còn thấp.
- Giá nhiên liệu tăng: giá dầu mỏ trên Thế giới liên tục động trong thời gian gần đây và chưa có dấu hiệu giảm, nhiên liệu được Công ty sử dụng thường xuyên cho các phương tiện cơ giới và vận tải sử dụng trong vận chuyển sản phẩm, kéo theo việc tăng giá nhiên liệu và sự gia tăng chi phí khai thác, san lấp, chi phí điện.
- Chính sách của Nhà nước: Sản phẩm của công ty chủ yếu là quặng Mangan. Hiện nay nhà nước có chủ trương hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô, đòi hỏi công ty phải tiến hành đầu tư chế biến sâu để nâng cao giá trị của sản phẩm. Do đó, công ty phải có chiến lược phát triển sản xuất và kinh doanh phù hợp với chính sách của Nhà nước.
- Giá cả nhiên liệu tăng cao kể từ năm 2005 đến nay có ảnh hưởng tới giá vốn nhưng không ảnh hưởng nhiều đến lợi nhuận gộp của Công ty, vì các hợp đồng kinh tế của Công ty đã ký kết với các đối tác đều có quy định về điều chỉnh giá đầu ra căn cứ vào sự trượt giá đầu vào.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế công ty trong ngành

Công ty cổ phần Khoáng sản Mangan là một trong những đơn vị đầu tiên trong cả nước thực hiện khai thác quặng Mangan. Phần lớn các công ty khai thác quặng Mangan đều có quy mô nhỏ, nhiều công ty còn thực hiện khai thác manh mún. Công ty là một trong số ít các công ty có quy mô sản xuất lớn, dây chuyền sản xuất đồng bộ, hiện đại, hệ thống sản xuất và quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001-2000, ISO 14001-2004 (chung cho cả Mitraco Hà Tĩnh trong đó có quy trình sản xuất và quy trình quản lý chất lượng Mangan).

Chứng chỉ hệ thống sản xuất và quản lý chất lượng



So với các công ty lớn khác hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản Mangan, sản lượng khai thác và doanh thu của Công ty cũng đạt mức tương đương. Trong hai năm gần đây, Công ty chú trọng vào khâu chế biến nhằm nâng cao hiệu quả khai thác nên sản lượng khai thác đã giảm và giữ ở mức ổn định.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Triển vọng phát triển của ngành khai thác Mangan phụ thuộc khá lớn vào ngành sản xuất thép. Thép là vật tư chiến lược không thể thiếu của ngành công nghiệp, xây dựng và quốc phòng, có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Do vậy, ngành thép luôn được Nhà nước xác định là ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển.

Sự tăng trưởng của ngành thép gắn liền với sự tăng trưởng của nền kinh tế. Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn hồi phục, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2009 dự kiến đạt 5% - 5,2%. Theo quy hoạch tổng thể phát triển ngành thép của Chính

phủ thì đến năm 2010, ngành thép sẽ trở thành một trong những ngành công nghiệp trọng điểm trong nền kinh tế quốc dân, phần đầu đến năm 2010 sản xuất thép trong nước đáp ứng được 75% - 80% nhu cầu tiêu dùng thép trong nước.

Theo Quyết định số 33/2007/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp ngày 26 tháng 7 năm 2007 nhà nước có chủ trương đầu tư xây dựng, mở rộng các nhà máy sản xuất feromangan nâng mức sản lượng feromangan đến năm 2015 đạt mức 40.000 tấn/năm, đến năm 2025 đạt mức 70.000 tấn/năm (sản lượng kế hoạch năm 2007 cả nước là 7.000 tấn), giai đoạn từ năm 2015-2035 sẽ đầu tư xây dựng 03 nhà máy sản xuất EMD (dioxýt mangan điện phân) công nghệ cao nhằm tận thu các quặng thải và quặng nghèo với mức công suất lên tới 20.000 tấn/năm. Do vậy nhu cầu về quặng Mangan trong nước trong những năm tới là rất lớn để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành luyện thép.

Ngành công nghiệp thép của thế giới, nhất là của Trung Quốc cũng đang rất phát triển với tốc độ tăng trưởng trên 20% những năm gần cũng là một dấu hiệu cho thấy sự ổn định và phát triển của thị trường Mangan xuất khẩu đối với Công ty.

Đối với các ngành công nghiệp cao khác có sử dụng hợp chất Mangan, sự phát triển của các ngành công nghiệp này cũng gắn liền cùng với tốc độ phát triển của nền kinh tế. Đặc biệt trong thời gian tới khi Việt Nam đang dần từng bước tiếp thu các công nghệ tiên tiến của nước ngoài thì nhu cầu Mangan phục vụ cho các ngành công nghệ cao sử dụng hợp chất Mangan sẽ ngày càng tăng. Điều này càng được khẳng định trong thời điểm hiện tại khi không có chất liệu nào thay thế được Mangan trong những ứng dụng lớn.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, Công ty đưa ra những định hướng rõ ràng trong sản xuất kinh doanh, đó là: Tuân thủ pháp luật, Đầu tư phù hợp, Đảm bảo chất lượng và Phát triển nguồn nhân lực.

Tuân thủ Pháp luật

Do đặc điểm hoạt động sản xuất của Công ty chịu ảnh hưởng nhiều từ chính sách về khai thác và xuất khẩu tài nguyên của Nhà nước. Công ty xác định luôn luôn tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, bảo vệ môi trường, tích cực đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương và đất nước.

Đầu tư có định hướng

Công ty có định hướng đầu tư phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, thể hiện qua việc tiếp tục thăm dò khai thác và xây dựng các dự án nâng cao hàm lượng Mangan.

Về chủ trương khai thác, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư thăm dò chi tiết thêm các mỏ quặng trong địa bàn tỉnh Hà Tĩnh để xác định trữ lượng các mỏ có thể khai thác, từ đó xây dựng kế hoạch khai thác. Trong chiến lược phát triển chiều sâu, xây dựng các dự án nâng cao hàm lượng Mangan. Công ty có định hướng xây dựng nhà máy Feromangan trong tương lai. Dự án này sẽ giúp cho Công ty sử dụng nguồn quặng một cách hiệu quả hơn, tạo nên giá trị gia tăng cho các sản phẩm của Công ty.

Feromangan là một trong những yếu tố cần thiết để sản xuất thép và có nhu cầu ngày càng cao trên thị trường. Hiện nay một phần Feromangan dùng trong các nhà máy luyện thép vẫn phải nhập khẩu từ Trung Quốc, Nhật Bản. Feromangan chiếm khoảng 10% lượng thép. Feromangan đảm bảo các tiêu chuẩn về độ giòn, dẻo, bóng, mài mòn, bền nhiệt, bền hóa cho thép, đặc biệt thép chế tạo máy, thép xây dựng cần lượng ferro nhiều hơn.

Chính sách chất lượng

Tuân theo định hướng chung của Tổng Công ty, coi chất lượng là yếu tố căn bản cho phát triển bền vững. Công ty tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001-2000 trong hệ thống khai thác của mình và không ngừng tìm biện pháp để nâng cao hiệu quả khai thác quặng, giảm lãng phí.

Phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng trong định hướng phát triển của Công ty. Công ty luôn quan tâm đến việc phát triển nguồn nhân lực. Công ty xác định đây là một trong những yếu tố mấu chốt quyết định sự phát triển của công ty trong những năm tới. Công ty luôn có những chính sách phát triển đội ngũ CBCNV của mình thông qua

- Cải tiến chính sách lương thưởng theo hướng tạo động lực làm việc và đóng góp tích cực và gắn bó hơn đối với các CBCNV của công ty.
- Phân bổ các chức danh hợp lý để cơ cấu tổ chức quản lý hoạt động linh hoạt và hiệu quả
- Xây dựng chính sách nhằm thu hút thêm người có năng lực và kinh nghiệm vào làm việc trong Công ty, trẻ hoá đội ngũ CBCNV.

Công ty cũng tiếp tục thực hiện các công tác đào tạo cho các CBCNV, hỗ trợ điều kiện học tập, tạo điều kiện để các CBCNV tham gia các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các câu lạc bộ thể thao, văn hóa....

9. Chính sách đối với người lao động

Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2009 là 301 người, trong đó cụ thể bao gồm:

Phân theo trình độ người lao động:

Tổng số	:	301 người
Cán bộ có trình độ đại học	:	09 người
Cán bộ có trình độ cao đẳng	:	10 người
Cán bộ có trình độ trung cấp	:	11 người
Công nhân kỹ thuật	:	48 người
Lao động phổ thông	:	223 người

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 48 giờ/ tuần, các nhân viên văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo chế độ 3 ca/ ngày, khi có yêu cầu về tiến độ công việc. thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, lễ Tết: Thực hiện theo luật lao động. nhân viên công ty thực hiện với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian làm việc không đủ 12 tháng được nghỉ mỗi tháng 1 ngày tương ứng và 09 ngày theo quy định của Bộ luật lao động và thỏa ước lao động tập thể.

Nghỉ ốm, thai sản: các CBCNV nghỉ ốm và thai sản đều được hưởng đầy đủ các quyền lợi theo chế độ quy định do bảo hiểm chi trả.

Các chế độ phúc lợi xã hội: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đảm bảo xã hội cho người lao động theo Luật lao động.

- Nộp BHXH cho 100% CBCNV
- Nộp BHYT cho 100% CBCNV
- Trang bị phương tiện lao động cho 100% CBCNV
- Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động
- Tiền ăn giữa ca

Ngoài ra, công tác an toàn lao động được lãnh đạo công ty quan tâm hàng đầu, quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên đều được tạo điều kiện thuận lợi.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Hàng năm công ty căn cứ vào kế hoạch và nhu cầu sản xuất để tuyển dụng lao động với phương châm là thu hút người lao động có kinh nghiệm, có năng lực, đáp ứng được yêu cầu của công việc. Bên cạnh đó Công ty thường xuyên quan tâm, bố trí, sắp xếp cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất.

Công ty áp dụng công tác đào tạo tại chỗ bằng cách người có chuyên môn tốt, kinh nghiệm nhiều kèm cặp hướng dẫn cho những người vào làm việc sau, đặc biệt Công ty thường xuyên bố trí cho cán bộ cốt cán, nhân viên, lao động kỹ thuật tham gia các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ nhằm đáp ứng công việc hiện tại cũng như tương lai lâu dài và hiện tại công ty có chính sách đãi ngộ 100% học phí cho một số cán bộ có triển vọng tham gia học Đại học tại chức.

Chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi

Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bảng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty và hàng tháng được chi trả một lần vào thời gian từ ngày 10 đến ngày 14 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

Việc khen thưởng được Công ty quan tâm thường xuyên, nhằm khuyến khích động viên cho người lao động. một vào cuối tháng tổ chức bình bầu phân loại lao động, lấy cơ sở bình xét thi đua trong 6 tháng và 1 năm để khen thưởng, hai là các sáng kiến, sáng tạo trong cải tiến công nghệ nhằm phát triển sản xuất, giá trị khen thưởng dựa vào kết quả lợi nhuận sản xuất kinh doanh trong 06 tháng và 1 năm.

Hàng năm, công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho toàn bộ người lao động, tổ chức du lịch, nghỉ mát và rèn luyện phong trào văn, thể, mỹ...

10. Chính sách cổ tức

Công ty tách ra từ Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh và chuyển đổi hình thức sở hữu thành công ty cổ phần từ tháng 3 năm 2006. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới. Dự kiến trong giai đoạn tới Công ty sẽ đảm bảo cổ tức ở mức 15%-25% vốn

điều lệ, phần lợi nhuận còn lại được tích lũy để tái đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh (chi tiết xin tham khảo tại bảng Kế hoạch kinh doanh 3 năm từ 2010-2012).

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1/2006 kết thúc vào 31/12/2006. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập dựa trên các quy định hiện hành về kế toán Việt Nam.

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 5 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị : 6 - 10 năm
- Phương tiện vận tải : 7 năm
- Thiết bị văn phòng : 3 - 5 năm

b. Thu nhập bình quân

Biểu 11: Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty (đồng)	1.700.000	1.900.000	2.050.000	2.150.000

Đây là mức thu nhập khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành và so với các doanh nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng điều đó chứng tỏ chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động là tốt.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007 và năm 2008 và báo cáo quyết toán năm 2009, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế xuất khẩu, thuế tài nguyên và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước.

e. Trích lập các quỹ

Sau khi kết thúc niên độ tài chính (31/12), Công ty tiến hành trích lập các quỹ trên cơ sở từ lợi nhuận sau thuế đạt được. Các quỹ như: quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty đồng thời phù hợp với điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật.

Biểu 12: Mức trích lập và số dư các quỹ của năm 2007 và 2008, 2009 như sau:

Đơn vị: Nghìn đồng

Khoản mục	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Quỹ đầu tư và phát triển	164.000	855.421	1.944.293
Quỹ dự phòng tài chính	36.200	295.483	703.810
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	384.172	410.989
Tổng cộng	200.200	1.535.077	3.059.092

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008, 2009)

Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2006 đã được Công ty chi dùng hết trong năm 2007 (chi tiền thăm quan cho cán bộ CNV trong Công ty, chi khen thưởng hội thơ toàn Công ty), do vậy không có số dư tại thời điểm 31/12/2007 trên báo cáo tài chính của Công ty.

f. Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2009 tình hình nợ vay của Công ty như sau:

Biểu 13: Tình hình vay nợ của công ty

Đơn vị tính: nghìn đồng

Khoản mục	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2008</u>	<u>31/12/2009</u>
Vay và nợ ngắn hạn	2.027.638	-	-
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
Vay và nợ quá hạn	Không có	Không có	Không có

Nợ vay thể hiện khoản vay từ Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh (Mitraco Hà Tĩnh) phục vụ đầu tư mua sắm tài sản cố định với lãi suất 3%/năm, toàn bộ khoản vay này đã được Công ty thanh toán hết trong Quý I năm 2008.

g. Tình hình công nợ hiện nay

Biểu 14: Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: nghìn đồng

Khoản mục	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2008</u>	<u>31/12/2009</u>
	Tổng số	Tổng số	Tổng số
Phải thu của khách hàng	-	-	1.758.254
Trả trước cho người bán	-	1.405.000	30.000
Các khoản phải thu khác	32.784	137.884	156.891
Tổng cộng	32.784	1.542.884	1.945.145

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008, 2009)

Chính sách bán hàng của Công ty đối với sản phẩm Mangan là yêu cầu người mua trả trước tiền hàng trước khi giao hàng. Các khoản phải thu khách hàng thể hiện các khoản mục phải thu từ bán thanh lý TSCĐ, thu bán các sản phẩm phụ.

Biểu 15: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2008</u>	<u>31/12/2009</u>
I	Nợ ngắn hạn	5.995.066	460.003	14.068.368
1	Vay và nợ ngắn hạn	2.027.683	-	-
2	Phải trả cho người bán	172.562	214.093	9.607.127
3	Người mua trả tiền trước	1.575.471	96.109	2.867.677

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
4	Thuế & các khoản phải nộp nhà nước	241.315	102.677	508.090
5	Phải trả công nhân viên	766.139		1.009.032
6	Chi phí phải trả	-	-	-
7	Phải trả, phải nộp khác	1.211.894	47.123	76.442
II	Nợ dài hạn	424.906	206.410	677.947
1	Phải trả dài hạn khác	-	-	438.000
2	Vay và nợ dài hạn	300.000	-	-
3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	124.906	206.410	239.947
Tổng cộng (I+II)		6.419.972	666.413	14.746.315

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008, 2009)

h. Hàng tồn kho

Biểu 16: Hàng tồn kho:

Đơn vị tính: nghìn đồng

HÀNG TỒN KHO	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Nguyên liệu, vật liệu	1.449.135	1.780.229	4.414.630
Công cụ, dụng cụ	16.275	33.890	37.458
Chi phí SXKDDD	-	-	-
Thành phẩm	2.811.095	6.872.391	14.689.354
Hàng hóa	-	-	-
Tổng cộng	4.276.507	8.686.511	19.141.442

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008, 2009)

Số dư hàng tồn kho tại cuối mỗi kỳ kế toán của Công ty đều lớn nguyên nhân là do các kế hoạch sản xuất và bán hàng của Công ty. Mặc dù sản phẩm sản xuất của Công ty đều được xuất bán hết tuy nhiên để đảm bảo thời gian và tiến độ giao hàng đúng hạn cho khách hàng, phần lớn lượng hàng xuất bán của Công ty trong tháng sau đều đã được khai thác và dự trữ trong tháng này. Do vậy số dư thành phẩm tồn kho của Công ty

thường rất lớn vào cuối mỗi tháng dẫn đến số dư khoản mục hàng tồn kho lớn. Hàng tồn kho của Công ty vẫn được bảo vệ một cách chặt chẽ và do đặc tính của sản phẩm nên không có khả năng hàng tồn kho bị hư hỏng, hao mòn hay mất phẩm chất trong quá trình bảo quản.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Biểu 17: Các chỉ tiêu tài chính

Khả năng thanh toán	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
Khả năng thanh toán ngắn hạn	2,51	31,81	1,63
Khả năng thanh toán nhanh	1,79	12,92	0,27
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,29	0,03	0,39
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,41	0,03	0,64
Năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	3,46	1,68	1,11
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,17	1,13	0,65
Tỷ suất sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,09%	21,62%	14,56%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	12,95%	24,36%	9,57%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	18,26%	25,17%	16,00%
Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	10,31%	24,84%	15,91%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008 , 2009)

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

▪ Danh sách thành viên HĐQT

Stt	Chức vụ	Họ và tên	Năm sinh	CMND
1	Chủ tịch	Phạm Như Tâm	1954	183923904
2	Phó Chủ tịch	Nguyễn Đình Lân	1960	183337523
3	Ủy viên	Bùi Văn Minh	1973	183680975
4	Ủy viên	Đình Quang Tuấn	1976	183822835
5	Ủy viên	Nguyễn Trọng Tuyên	1957	171375732

▪ Danh sách Ban Kiểm soát

Stt	Chức vụ	Họ và Tên	Năm sinh	CMND
1	Trưởng ban	Lê Thị Thanh	1958	180802147
2	Thành viên	Thân Văn Quế	1965	011436322
3	Thành viên	Trần Thị Nga	1979	183140552

▪ Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Stt	Chức vụ	Họ và Tên	Năm sinh	CMND
1	Giám đốc	Nguyễn Đình Lân	1960	183337523
2	Phó Giám đốc	Đình Quang Tuấn	1976	183822835

▪ Kế toán trưởng

Stt	Chức vụ	Họ và Tên	Năm sinh	CMND
1	Kế toán trưởng	Nguyễn Đức Dũng	1973	181987172

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1. Họ và tên : Ông Phạm Như Tâm**
- Số CMND : 183923904 cấp ngày 27/12/2008 tại Công an Hà Tĩnh
 - Giới tính : Nam
 - Ngày sinh : 10/02/1954
 - Nơi sinh : Hà Tĩnh
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Cẩm Hòa – Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh
 - Địa chỉ thường trú : Thôn 8 - Thị trấn Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
 - Số điện thoại liên lạc : (039) 855 603
 - Trình độ văn hoá : 10/10
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân đại học Nông nghiệp
 - Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
11/1984-01/1990	Cán bộ tài chính UBND Huyện Cẩm Xuyên
02/1990 – 01/1992	Trưởng phòng kế hoạch UBND Huyện Cẩm Xuyên
02/1992 – 07/1993	Giám đốc Xí nghiệp Khoáng sản Cẩm Xuyên
08/1993 - 05/1996	Giám đốc Xí nghiệp Cẩm Xuyên 1- Công ty Austinh Hà Tĩnh
06/1996 - 12/2000	Phó GD C.ty khai thác chế biến và xuất khẩu Titan Hà Tĩnh
01/1999 - 04/2003	Phó Giám đốc công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh
04/2003 – nay	Phó TGD Tổng công ty Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh
01/2006 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP khoáng sản Mangan

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh (Mitraco Hà Tĩnh)

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 367.700 cổ phần.
Trong đó: - 367.200 cổ phần: đại diện cho cổ đông Mitraco Hà Tĩnh;
 - 500 cổ phần sở hữu cá nhân
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- 2. Họ và tên : Ông Nguyễn Đình Lân**
- Số CMND : 183337523 cấp ngày 12/7/2000 tại công an Hà Tĩnh
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 15/05/1960
 - Nơi sinh : Nghệ An
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Thanh Tùng – Thanh Chương – Nghệ An
 - Địa chỉ thường trú : số 42 Lý Tự Trọng, Phường Bắc Hà, Hà Tĩnh
 - Số điện thoại liên lạc : (039) 840 195
 - Trình độ văn hoá : 10/10
 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư mỏ địa chất
 - Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
07/1980 - 12/1985	Cán bộ Đoàn địa chất 705
01/1986 – 12/1990	Cán bộ Đại học Mỏ địa chất
1/1991 – 10/1993	Chủ nhiệm dự án – Đoàn địa chất 705
11/1993 - 05/1996	Chuyên viên - Công ty liên doanh Austinh
06/1996 - 12/2000	Chuyên viên – C.ty khai thác chế biến và XK Titan Hà Tĩnh
01/2001 - 03/2003	GĐ XN Mangan – C.ty Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh
4/2003 - 12/2005	Giám đốc – Công ty Mangan
01/2006 – nay	Phó chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần khoáng sản Mangan
04/2006 – nay	Giám đốc – Công ty cổ phần khoáng sản Mangan

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị. Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 62.200 cổ phần.

Trong đó: - 61.200 cổ phần: đại diện cho phần vốn của Nhà nước;

- 1.000 cổ phần: sở hữu cá nhân

- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- 3. Họ và tên : Ông Bùi Văn Minh**
- Số CMND : 183680975 cấp ngày 25/6/2008 tại CA Hà Tĩnh
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 13/8/1973
 - Nơi sinh : Hà Tĩnh
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh
 - Địa chỉ thường trú : phường Nguyễn Du, Hà Tĩnh
 - Số điện thoại liên lạc : 039.891371
 - Trình độ văn hoá : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân đại học Tài chính kế toán
 - Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
10/1995-04/2003	Cán bộ thanh tra Tỉnh Hà Tĩnh
05/2003 – 06/2005	Kế toán -Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh
07/2005 – nay	Phó trưởng phòng kế toán - Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh (Mitraco Hà Tĩnh)
01/2006 – nay	Ủy viên HĐQT - Công ty CP khoáng sản Mangan

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT - Cty CP khoáng sản Mangan
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó phòng tài chính kế toán- Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh (Mitraco Hà Tĩnh)
- Số cổ phần nắm giữ: 55.080 cổ phần.
Trong đó: - 55.080 cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước;
- Không cổ phần sở hữu cá nhân
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4. Họ và tên : Ông Đinh Quang Tuấn

- Số CMND : 183822835 cấp ngày 20/11/2007 tại Công an Hà Tĩnh
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/04/1976
- Nơi sinh : Đức Lâm-Đức Thọ-Hà Tĩnh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đức lâm-Đức Thọ-Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : Phường Trần Phú - Hà Tĩnh
- Số điện thoại liên lạc : 039.840 195
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân đại học Luật
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
4/2001-03/2003	Xưởng trưởng – Xí nghiệp Mangan, Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh
4/2003 – 5/2004	Xưởng trưởng – Công ty Mangan, Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh
6/2004 – 6/2005	Cán bộ - Phòng tổ chức và lao động tiền lương – Tổng Công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh
7/2005 – 3/2006	Phó Giám đốc – Công ty Mangan
4/2006 – nay	Phó Giám đốc – Công ty cổ phần khoáng sản Mangan
12/2007 – nay	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần khoáng sản Mangan

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần khoáng sản Mangan
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 49.010 cổ phần.

Trong đó: - Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 48.960 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 50 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- 5. Họ và tên : Ông Nguyễn Trọng Tuyên**
- Số CMND : 171375732 cấp ngày 09/5/1983 tại công an Nghệ Tĩnh
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 20/12/1957
 - Nơi sinh : Hà Tĩnh
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Nghi Xuân, Hà Tĩnh
 - Địa chỉ thường trú : phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh
 - Số điện thoại liên lạc : 039.855.603
 - Trình độ văn hóa : 10/10
 - Trình độ chuyên môn : Đại học Mô địa chất
 - Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
5/1981 – 9/1993	Công tác tại phòng kỹ thuật đoàn Đại chất 402 mỏ sắt Thạch Khê, Thạch hà, Hà Tĩnh
10/1993 – 5/1996	Chuyên viên Công ty liên doanh Austinh
6/1996 – 3/2003	Cán bộ phòng mỏ Công ty khai thác chế biến xuất khẩu ti tan Hà Tĩnh
4/2003 – 11/2005	Phó phòng mỏ - Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh
12/2005 – nay	Trưởng phòng mỏ - Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh
12/2007 – nay	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần khoáng sản Mangan

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT công ty cổ phần khoáng sản Mangan
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Trưởng phòng mỏ - Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 48.960 cổ phần

Trong đó: - 48.960 cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước

- cá nhân không sở hữu cổ phiếu

- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi, mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

BAN KIỂM SOÁT

- 1. Họ và tên : Bà Lê Thị Thanh**
- Số CMND : 180802147 cấp ngày 14/09/1979 tại Công an Nghệ Tĩnh
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 16/11/1958
 - Nơi sinh : Hà Tĩnh
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Cẩm Hòa – Cẩm Xuyên – Hà Tĩnh
 - Địa chỉ thường trú : Phường Bắc Hà-TP Hà Tĩnh-Tỉnh Hà Tĩnh
 - Số điện thoại liên lạc : (039) 891 371
 - Trình độ văn hoá : 10/10
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân đại học Công đoàn
 - Quá trình công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
01/1983 - 12/1989	Kế toán Công ty Kim khí điện máy Nghệ Tĩnh
01/1990 – 8/1992	Kế toán Công ty kinh doanh XNK Nghệ Tĩnh
9/1992 – 07/1993	Kế toán công ty Meteco Hà Tĩnh
08/1993 - 05/1996	Kế toán công ty Austinh Hà Tĩnh
06/1996 - 12/2000	Kế toán C.ty khai thác chế biến và xuất khẩu Titan Hà Tĩnh
01/2001 - 4/2003	Kế toán Công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh
5/2003 – nay	Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh
1/2006 – nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản Mangan
▪ Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát công ty cổ phần Khoáng sản Mangan	

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên phòng kế toán, Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh
- Số cổ phần nắm giữ: 30.600 cổ phần.
Trong đó: - Số CP đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 30.600 cổ phần
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: không cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2. Họ và tên : Ông Thân Văn Quế

- Số CMND : 011436322 cấp ngày 23/05/1986 tại Công an Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25/8/1965
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Sơn Lộc – Can Lộc – Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 4 – Phường Nguyễn Du – TP. Hà Tĩnh
- Số điện thoại liên lạc : 039.855 603
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư đại học mỏ địa chất
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
1991 – 1993	Phòng kỹ thuật Xí nghiệp Khoáng sản Titan Cẩm Xuyên
1994 – 2000	Phòng Kỹ thuật Xí nghiệp Khai thác và Chế biến xuất khẩu Titan
2001 – 2006	Nhân viên phòng Kỹ thuật – Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh
12/2007 – nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản Mangan

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 75 cổ phần.
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- 3. Họ và tên : Bà Trần Thị Nga**
- Số CMND : 183140552 cấp ngày 14/3/1997 tại Công an Hà Tĩnh
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 26/01/1979
 - Nơi sinh : Hà Tĩnh
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Hậu Lộc – Can Lộc – Hà Tĩnh
 - Địa chỉ thường trú : Nam Hồng, Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh
 - Số điện thoại liên lạc : (039) 213 523
 - Trình độ văn hoá : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Trung cấp Tin học kinh tế
 - Quá trình công tác:

Thời gian công tác Chức vụ, địa vị công tác

2003 - nay Cán bộ thống kê công ty cổ phần Khoáng sản Mangan

1/2006 - nay Thành viên Ban kiểm soát công ty cổ phần Khoáng sản Mangan

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 575 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Họ và tên** : Ông Nguyễn Đức Dũng
- Số CMND : 181987172 cấp ngày 16/07/2008 tại Công an Nghệ an
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 14/10/1973
 - Nơi sinh : Hà Tĩnh
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Xuân Giang, Nghi Xuân, Hà Tĩnh
 - Địa chỉ thường trú : 313 Nguyễn Văn Cừ, Tp. Vinh, Nghệ An
 - Số điện thoại liên lạc : 039.213.523
 - Trình độ văn hoá : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh kế, chuyên ngành kế toán
 - Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
4/2001 -12/2005	Kế toán Công ty Mangan
1/2006 – nay	Kế toán trưởng công ty cổ phần Khoáng sản Mangan

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng công ty CP khoáng sản Mangan
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 500 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

13. Tài sản của công ty

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính được kiểm toán soát xét tại thời điểm 31/12/2009:

Biểu 18: Các tài sản của Công ty có giá trị hơn 50 triệu đồng

Đơn vị: đồng

TT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Số năm khấu hao	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC				6.352.954.840	2.193.491.816	4.159.463.024
1	Đập ngăn nước cửa mương	2006	4	73.593.004	73.593.004	
2	Nhà kho 7 gian Đức Lập	2006	5	70.768.579	56.614.848	14.153.731
3	Sân SP, bể tẹt, tường chắn	2006	5	109.952.851	87.962.304	21.990.547
4	Xưởng tuyển TN	2006	5	575.688.009	460.550.400	115.137.609
5	Nhà làm việc VP	2006	4	56.196.836	56.196.836	
6	Sân SP xưởng II VP	2006	4	95.952.575	95.952.575	
7	Nhà ở CB VP	2006	4	56.754.476	56.754.476	
8	Sân văn phòng gạch KN	2006	4	55.951.620	55.951.620	
9	Nhà ở công nhân X30/4	2006	5	120.938.988	96.751.200	24.187.788
10	Nhà ăn, nhà bếp 5 gian X30/4	2006	5	85.406.058	68.324.832	17.081.226
11	Nhà ở, nhà làm việc đội cơ khí	2006	5	86.340.225	69.072.192	17.268.033
12	Sân sản phẩm X4	2006	5	58.589.688	46.871.760	11.717.928
13	Nhà xưởng 30/4	2006	5	636.011.002	508.808.784	127.202.218
14	Nhà hội trường	2009	8	403.623.172	16.817.632	386.805.540
15	Hàng rào	2009	8	72.452.457	3.018.852	69.433.605
16	Đường nội mô	2009	6	652.641.818	5.394.996	647.246.822
17	Nhà ở CN 7 gian XBS	2009	6	266.792.099	11.116.338	255.675.761
18	Nhà ăn và bếp XBS	2009	6	180.121.661	7.505.070	172.616.591
19	Nhà xưởng sản xuất XBS	2009	6	447.723.512	18.655.146	429.068.366
20	Nhà văn phòng làm việc	2009	10	408.253.967	10.206.348	398.047.619
21	Nhà ăn, ở và bếp	2009	10	157.306.277	3.932.658	153.373.619
22	Nhà vệ sinh và các CT phụ trợ	2009	7	60.921.458	2.175.765	58.745.693
23	San mặt bằng và hàng rào bảo vệ	2009	7	118.095.063	4.217.682	113.877.381
24	Nhà đặt máy tời Xưởng luyện xi	2009	10	91.554.026	2.288.850	89.265.176
25	Sân trộn bê tông Nguyên Liệu	2009	10	76.238.755	1.905.969	74.332.786
26	Nhà để quạt gió	2009	6	50.756.111	2.114.838	48.641.273

27	Móng và thân lò móng Xưởng luyện Xi	2009	6	56.649.972	2.360.415	54.289.557
28	Mặt bằng lò luyện Xi	2009	12	669.836.114	13.954.920	655.881.194

29	Hồ chứa nước, kê hồ, mương, nhà đặt máy bơm	2009	6	82.501.972	3.437.583	79.064.389
----	---	------	---	------------	-----------	------------

MÁY MÓC, THIẾT BỊ				11.034.499.670	5.544.298.599	5.490.201.071
1	Máy xúc đào SH 200	2001	4	266.951.948	266.951.948	
2	Máy xúc đào SOLA 130	2006	4	340.108.000	340.108.000	
3	Máy xúc lật 45 Z4	2006	4	99.692.000	99.692.000	
4	Máy xúc đào SH 200	2006	4	266.953.553	266.953.553	
5	Máy xúc đào SOLA 130	2006	4	340.000.000	340.000.000	
6	Máy xúc đào SH200	2006	5	478.733.000	382.986.384	95.746.616
7	Máy xúc đào Robex 130	2006	5	510.688.000	408.550.416	102.137.584
8	Máy xúc lật 60Z4	2006	5	849.887.611	679.910.112	169.977.499
9	Máy xúc đào bánh xích Hitachi	2006	5	1.127.991.664	902.393.328	225.598.336
10	Máy rửa cánh vuông	2006	4	53.628.640	53.628.640	
11	Máy rửa cánh vuông	2006	4	53.628.640	53.628.640	
12	Máy xúc đào bánh lốp	2006	5	1.599.127.200	1.279.301.760	319.825.440
13	Sàng quay	2006	4	50.406.847	50.406.847	
14	Sàng quay	2006	4	50.406.846	50.406.846	
15	Máy xúc lật 45Z4	2009	7	277.261.765	9.902.205	267.359.560
16	Máy xúc lật 45Z4	2009	7	269.699.253	9.632.115	260.067.138
17	Hệ thống lò luyện xi	2009	12	4.079.563.378	84.990.903	3.994.572.475

PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI				6.079.309.765	3.318.137.034	2.761.172.731
1	Xe HuynDai 38H 5597	2006	4	242.274.957	242.274.957	
2	Xe Huyn Dai 38H 5667	2006	4	321.587.417	321.587.417	
3	Xe Huyn Dai 38H 5577	2006	4	321.587.417	321.587.417	
4	Trạm điện Đức lập	2006	5	186.593.231	149.274.576	37.318.655
5	Xe LANCUSE 38H 1207	2006	5	65.800.000	65.800.000	
6	Trạm điện 180KVA	2006	5	122.225.873	122.225.873	
7	Trạm điện+đường dây X30/4	2006	5	407.700.868	326.160.672	81.540.196
8	Xe ô tô HuynDai 38H 6897	2006	4	404.306.833	404.306.833	
9	Xe ô tô HuynDai 38H 6837	2006	4	412.560.795	412.560.795	
10	Xe ô tô TOYOTA Altis	2007	6	521.444.464	238.995.372	282.449.092
11	Xe ô tô HuynDai 38H 8467	2008	4	403.295.000	235.255.412	168.039.588
12	Đường dây điện hạ thế 0,4Kv	2008	6	343.142.362	76.253.856	266.888.506

13	Xe ô tô HuynDai 38H 8054	2009	5	679.000.000	147.116.671	531.883.329
14	Đường dây điện 35KV; trạm biến áp	2009	6	872.805.782	109.100.727	763.705.055
15	Biến tần Vecto Hitachi SJ 300-110HFE	2009	12	109.128.832	2.273.517	106.855.315
16	Động cơ điện 3 Fa kiểu 3K355-M6,120Kv	2009	6	76.744.448	3.197.685	73.546.763
17	Máy phát điện GS300K	2009	6	292.980.250	12.207.510	280.772.740
18	Trạm điện lò luyện Xi Mangan	2009	6	115.769.765	4.823.739	110.946.026
THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ				116.155.360	95.829.969	20.325.391
TSCĐ VÔ HÌNH				431.599.581	5.394.996	426.204.585
1	Quyền SD đất	2009	20	431.599.581	5.394.996	426.204.585
TỔNG CỘNG				24.014.519.216	11.157.152.414	12.857.366.802

(Nguồn: Sổ đăng ký Tài sản cố định của Công ty Mangan tại thời điểm 31/12/2009)

Biểu 19: Giá trị từng loại tài sản tại 31/12/2009

Đơn vị: nghìn đồng

	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.352.954	4.159.463	65,47%
Máy móc thiết bị	11.034.499	5.490.201	49,75%
Phương tiện vận tải	6.079.309	2.761.172	45,42%
Thiết bị quản lý	116.155	20.325	17,50%
Quyền sử dụng đất	431.599	426.204	98,75%
Cộng	24.014.516	12.857.365	53,53%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2009)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012

Biểu 20: Kế hoạch kinh doanh 2010 -2012

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Triệu đồng	(%) tăng, giảm	Triệu đồng	(%) tăng, giảm	Triệu đồng	(%) tăng, giảm

Vốn Điều lệ	31.600	263,3%	31.600	0%	31.600	0%
Doanh thu thuần	67.500	287,9%	70.800	105%	77.900	110%
Lợi nhuận sau thuế	7.500	150 %	8.200	109,3%	9.300	113,4%
LNST/doanh thu thuần	11,1%	-10,2%	11,6%	0,5%	11,9%	0,3%
LNST/ Vốn điều lệ	23,7%	-17,9%	25,9%	2,2%	29,4%	4,6%
Cổ tức	20%		22%		25%	

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu chào bán

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá : 10.000 đồng/ cổ phần
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành : 1.960.000 cổ phần, bao gồm:

3.1 Phát hành **180.000** cổ phần bằng hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông: Phát hành cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 15% bằng cổ phiếu).

- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu đang nắm giữ cổ phần của Công ty theo danh sách do TTLKCK cung cấp.
- Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành: **180.000** cổ phần
- Nguồn vốn chia cổ tức : lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

3.2 Chào bán **1.780.000** cổ phần cho các đối tượng như sau:

STT	Đối tượng chào bán	Số lượng	Giá chào bán	Tiền dự kiến thu
01	Cổ đông hiện hữu	1.700.000	12.000	20.400.000.000
02	Cán bộ, công nhân viên	60.000	10.000	600.000.000
03	Cổ đông chiến lược	20.000	13.000	260.000.000
Tổng cộng		1.780.000		21.260.000.000

A, Phát hành cho cổ đông hiện hữu

- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu đang nắm giữ cổ phần của Công ty theo danh sách do TTLKCK cung cấp
- Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành: 1.700.000 cổ phần
- Giá trị chứng khoán phát hành (theo mệnh giá): 17.000.000.000 đồng. Trong đó:
 - + Phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1: 1,35 tương ứng với 1.620.000 cổ phần: cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phần thì có 01 (một) quyền mua, cứ 100 (một trăm) quyền mua thì được mua thêm 135 (một trăm ba lăm) cổ phần mới.

+ Phát hành thêm cho Tổng Công ty Thương mại và Khoáng sản Hà Tĩnh (Mitraco) là cổ đông hiện hữu của Công ty số lượng: 80.000 cổ phần nhằm đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của Cổ đông Nhà nước đạt 51% sau khi tăng vốn.

- Giá phát hành dự kiến : 12.000 đồng/cổ phiếu

B, Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động

- Đối tượng phát hành : Cán bộ, công nhân viên có công đóng góp vào việc xây dựng và phát triển Công ty. Danh sách đối tượng nêu trên sẽ do HĐQT Công ty xem xét và quyết định. Trình Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT quyết định và phê duyệt tiêu chuẩn phân phối theo các tiêu chí: chất lượng hoàn thành công việc, vị trí công tác, thời gian công tác, cam kết gắn bó với công ty và điều kiện hạn chế chuyển nhượng.
- Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành: 60.000 cổ phần
- Giá trị chứng khoán phát hành (theo mệnh giá): 600.000.000 đồng
- Giá phát hành dự kiến : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số cổ phần phát hành/chào bán cho Cán bộ công nhân viên Công ty bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ ngày phát hành cổ phiếu.

C, Phát hành cho cổ đông chiến lược

- Đối tượng phát hành: Cổ đông chiến lược hỗ trợ và đóng góp vào việc phát triển Công ty. Danh sách đối tượng nêu trên sẽ do HĐQT Công ty xem xét và quyết định. Trình Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT quyết định tiêu chí cổ đông chiến lược và lựa chọn đối tượng phù hợp.
- Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành: 20.000 cổ phần
- Giá trị chứng khoán phát hành (theo mệnh giá): 200.000.000 đồng
- Giá phát hành dự kiến : Không thấp hơn 13.000 đồng/cổ phần
- Thời gian phát hành dự kiến : Quý I, II/2010

Số cổ phần phát hành/chào bán cho cổ đông chiến lược bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 12 tháng kể từ ngày phát hành cổ phiếu (Theo quy định tại Nghị định 01/2010/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 25/2/2010 và Nghị quyết 01/2010/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 14/4/2010).

4. Phương pháp và cơ sở tính giá

a. Cơ sở tính toán

Giá chào bán dự kiến được xác định trên cơ sở sử dụng phương pháp giá trị sổ sách.

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan tính đến thời điểm **31/12/2009**, Vốn chủ sở hữu trừ đi Quỹ khen thưởng, phúc lợi, nguồn kinh phí của Công ty là: **22.588.818.390** đồng, số cổ phần của Công ty là **1.200.000** cổ phần

b. *Kết quả*

$$\text{Giá cổ phiếu (P)} = \frac{22.588.818.390}{1.200.000} = 18.824 \text{ (đồng/cổ phần)}$$

Để đảm bảo cho đợt phát hành thành công, Đại hội cổ đông Công ty đã quyết định mức giá dự kiến chào bán cho các đối tượng khác nhau như đã nêu trên.

5. Các bước phân phối và thời gian thực hiện

- Công bố báo chí:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau ngày nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu do Chủ tịch UBCKNN cấp, tổ chức phát hành sẽ hoàn tất thủ tục để ra Bản Thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong ba số liên tiếp.

Bước 1: Phân phối cho cổ đông hiện hữu (cổ phiếu đang niêm yết trên Sở GDCK Hà Nội)

- Xác định Danh sách sở hữu cuối cùng:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp, Công ty sẽ xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và gửi Thông báo đề nghị tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở GDCK Hà Nội phối hợp xác định ngày giao dịch không hưởng quyền mua, lập và cung cấp Danh sách sở hữu cuối cùng. Dự kiến thực hiện xong trong vòng 15 ngày làm việc.

- Phân bổ và thông báo quyền mua:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách sở hữu cuối cùng, tổ chức phát hành sẽ phối hợp cùng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán phân bổ và thông báo quyền ưu tiên mua trước cổ phần đến các thành viên lưu ký, các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu.

- Đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần:

Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và

nộp tiền tại tổ chức phát hành. Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần trong vòng **20** ngày kể từ ngày nhận được Danh sách phân bổ quyền ưu tiên mua trước cổ phần.

- **Chuyển nhượng quyền mua cổ phần:**

Quyền mua được thực hiện chuyển nhượng trong vòng 18 ngày kể từ ngày thông báo Danh sách phân bổ quyền thông qua thành viên lưu ký. Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng quyền mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại tổ chức phát hành.

- **Tổng hợp thực hiện quyền:**

Trong 02 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, các thành viên lưu ký lập và gửi Trung tâm Lưu ký chứng khoán báo cáo thực hiện quyền.

Bước 2: Phân phối cho cán bộ công nhân viên và cổ đông chiến lược

- Xác định Danh sách Cán bộ công nhân viên và cổ đông chiến lược được quyền mua cổ phần: theo danh sách đã lập trong hồ sơ xin phát hành do Hội đồng Quản trị Công ty xem xét và phê duyệt.

- Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần:

Trên cơ sở Danh sách Cán bộ công nhân viên và cổ đông chiến lược được quyền mua cổ phần, cán bộ công nhân viên và cổ đông chiến lược sẽ thực hiện việc đăng ký và nộp tiền tại tổ chức phát hành. Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phần trong vòng 20 ngày theo thông báo của Công ty.

Bước 3: Báo cáo kết quả phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung:

Trong vòng 05 ngày làm việc sau khi kết thúc việc phát hành, tổ chức phát hành sẽ lập báo cáo phát hành gửi UBCKNN, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và Sở GDCK Hà Nội, đồng thời hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung chứng khoán phát hành thêm trên Sở GDCK Hà Nội. Thời gian tiến hành làm thủ tục niêm yết bổ sung số lượng cổ phần phát hành thêm với Sở GDCK Hà Nội: dự kiến là 20 ngày làm việc.

Trao trả Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần:

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian phân phối, tổ chức phát hành hoàn tất thủ tục trao trả Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa đăng ký lưu ký.

@ Xử lý số cổ phần lẻ phát sinh, số lượng cổ phần không phân phối hết

- Đối với số cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu, số cổ phiếu lẻ sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phần dôi ra do làm tròn, số lượng cổ phần không thực hiện quyền phát sinh do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có) sẽ được chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược hoặc Công đoàn Công ty với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên;
- Đối với số cổ phần phát hành cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động, trong trường hợp không được đăng ký mua hết, số cổ phần còn lại sẽ được tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược hoặc Công đoàn Công ty với giá không thấp hơn giá phát hành cho cán bộ công nhân viên.

6. Đăng ký mua cổ phiếu

Việc đăng ký mua cổ phiếu phát hành sẽ thực hiện theo trình tự sau:

➤ **Các cổ đông hiện hữu thực hiện quyền trên Sở GDCK Hà Nội đăng ký mua**

- Quyền ưu tiên mua trước cổ phần sẽ được phân phối theo Danh sách sở hữu cuối cùng (đối với các cổ đông sở hữu cổ phiếu được niêm yết trên Sở GDCK Hà Nội) và việc phân phối cổ phiếu sẽ được thực hiện theo Danh sách thực hiện quyền do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp.
- Mỗi cổ phần hiện hữu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua 135 cổ phần mới phát hành thêm..
- Số cổ phần còn lại do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền sẽ được Hội đồng quản trị quyết định sau khi kết thúc thời gian phân phối theo phương án phát hành.

Bước 1 Thông báo quyền mua cổ phần

Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan phối hợp cùng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán phân bổ và thông báo quyền mua cổ phần phát hành thêm cho các cổ đông thông qua thành viên lưu ký. Các trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan có trách nhiệm thông báo phân bổ quyền trực tiếp đến từng cổ đông.

Bước 2 Thực hiện quyền mua cho cổ đông

Các cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới phát hành theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại các thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký thì đăng ký thực hiện quyền tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan.

- ✓ Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua theo mức giá quy định tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản. Thành viên lưu ký sẽ chuyển

toàn bộ tiền mua vào tài khoản Tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán tại Ngân hàng chỉ định thanh toán. Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần trong vòng 20 ngày kể từ ngày Trung tâm Lưu ký Chứng khoán phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký.

- ✓ Các thành viên lưu ký lập báo cáo thực hiện quyền chậm nhất trong 02 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền và gửi báo cáo thực hiện quyền cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán tổng hợp lập báo cáo phân phối cổ phần và các thành viên lưu ký nơi khách hàng mở tài khoản gửi Thông báo phân bổ chứng khoán cho khách hàng.

Trong thời hạn 20 ngày để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 02 ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký thực hiện quyền. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và được thực hiện tại thành viên lưu ký với thủ tục cụ thể như sau:

- ✓ Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua chứng khoán được thực hiện tại Thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền.
- ✓ Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng kiểm tra việc sở hữu quyền của người chuyển nhượng quyền và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua chứng khoán.
- ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thuộc cùng một thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua chứng khoán cho các bên liên quan và gửi thông báo Xác nhận quyền mua chứng khoán cho bên nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.
- ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng khác thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng lập và gửi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán. Sau khi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán xác nhận việc chuyển nhượng (trong vòng 1 ngày làm việc) và gửi cho các thành viên lưu ký có liên quan, căn cứ vào thông báo của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, thành viên lưu ký bên nhận chuyển nhượng gửi Xác nhận quyền mua chứng khoán cho cổ đông nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.

- ✓ Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng quyền mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại tổ chức phát hành.

Bước 3: Kết thúc thời hạn thực hiện quyền

- ✓ Kết thúc thời gian đăng ký thực hiện quyền ưu tiên mua trước cổ phần, thành viên lưu ký lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua chứng khoán tại thành viên lưu ký và Danh sách cổ đông thực hiện quyền (mua chứng khoán phát hành thêm) sau 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
- ✓ Đồng thời thành viên lưu ký chuyển ngay tiền thanh toán mua chứng khoán của người đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán tại Ngân hàng chỉ định thanh toán để Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chuyển cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

- ✓ Vào ngày phát hành, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký.
- ✓ Thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết. Khi cổ phiếu được thông báo chính thức niêm yết, thành viên lưu ký sẽ tự động chuyển khoản từ chứng khoán chưa niêm yết sang chứng khoán niêm yết trên tài khoản lưu ký của người đầu tư.

Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại trụ sở tổ chức phát hành.

7. Phương thức thực hiện quyền

Điều kiện thực hiện quyền.

Người sở hữu quyền mua là cổ đông của Công ty, có tên trong Danh sách sở hữu cuối cùng, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được tương ứng 01 quyền mua.

Thời gian thực hiện quyền.

Thời gian thực hiện quyền là 20 ngày kể từ ngày Trung tâm lưu ký chứng khoán phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký.

Tỷ lệ thực hiện quyền

Sở hữu 01 quyền, được mua thêm 1,35 cổ phiếu phát hành thêm và số lượng cổ phiếu mua phải chẵn đến hàng đơn vị.

Các điều khoản có liên quan.

- Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu phát hành theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền.
- Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản phí nào.

Trong trường hợp bị mất hoặc thất lạc giấy Thông báo sở hữu quyền mua, người sở hữu quyền mua cũng có thể thực hiện quyền của mình tại nơi mở tài khoản lưu ký hoặc tại Trụ sở Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan (trong trường hợp chưa lưu ký cổ phiếu), tuy nhiên người thực hiện quyền phải điền vào giấy báo mất trong đó có cam kết chịu mọi trách nhiệm có liên quan về việc thực hiện quyền của mình.

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài
- Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 và Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam và Thông tư số 90/2005/TT-BTC ngày 17/10/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg, trong đó qui định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của tổ chức phát hành.

9. Các loại thuế có liên quan

- Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế GTGT và thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam:
 - + Các tổ chức, cá nhân đầu tư được miễn thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ cổ tức được nhận.
 - + Các cá nhân đầu tư sẽ được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ việc đầu tư vào cổ phần của doanh nghiệp niêm yết.
 - + Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua bán cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết.
 - + Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.
- Theo Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 và Nghị định số

100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Thuế Thu nhập cá nhân của Chính phủ thì nhà đầu tư cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với các thu nhập phát sinh từ đầu tư chứng khoán như sau:

- + Thu nhập từ đầu tư vốn: lợi tức cổ phần và các thu nhập đầu tư vốn dưới các hình thức khác không bao gồm đầu tư vào trái phiếu Chính phủ;
- + Thu nhập từ chuyển nhượng vốn: thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới hình thức khác;
- + Thu nhập từ thừa kế là chứng khoán, phần vốn trong các doanh nghiệp,...;
- + Thu nhập từ nhận quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các doanh nghiệp,...

Các quy định trên có hiệu lực từ ngày 01/01/2009

10. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại **Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Hà Tĩnh**, số tài khoản: **5211.00000.46180**.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Mục đích phát hành

a. Mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao vị thế Công ty

Qua những phân tích, đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và nhu cầu sản phẩm Mangan trong và ngoài nước, để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và tạo đà tăng trưởng cao trong những năm tiếp theo, Công ty cần thiết tái cấu trúc vốn và nâng cao năng lực tài chính của mình:

- Nguồn vốn tăng thêm cho phép Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động khai thác, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường;
- Tái cấu trúc vốn góp phần củng cố và cải thiện cơ cấu tài chính hiện nay của Công ty. Công ty có thể khai thác, sử dụng các công cụ tài chính một cách hiệu quả, gia tăng hoạt động kinh doanh của Công ty;

b. Đầu tư máy móc, thiết bị

Việc tăng thêm vốn sẽ giúp Công ty có đủ tiềm lực tài chính để đầu tư máy móc, thiết bị, xây dựng những xưởng khai thác mới thay thế những xưởng cũ đã sắp hết trữ lượng khai thác. Việc tăng vốn phục vụ nhu cầu:

+ Đầu tư tài sản cố định nhà máy chế biến quặng trị giá : **11.500.000.000** đồng; dùng để đầu tư Nhà xưởng, máy móc thiết bị xưởng luyện xỉ Hồng Lĩnh (thông qua việc mua lại của Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh - Mitraco) và đầu tư mới một số máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình sản xuất của Nhà máy.

+ Vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh: **9.800.000.000** đồng

c. Thu hút nhân lực chất lượng cao

Nhân lực là nhân tố quan trọng để phát triển Công ty. Việc tăng vốn tạo điều kiện thu hút nhân lực có trình độ cao, đẩy mạnh công tác đào tạo công nhân viên, đồng thời tăng cường gắn bó lợi ích lâu dài của công nhân viên đối với Công ty, đặc biệt đối với những cá nhân có năng lực, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

2. Phương án khả thi

2.1. Giới thiệu chung về dự án.

Tên dự án : Dự án đầu tư Nhà máy chế biến quặng Mangan Hồng Lĩnh (còn gọi là xưởng luyện xỉ Mangan).

Mục tiêu dự án : Dự án triển khai nhằm mục tiêu chính là sản xuất và tiêu thụ sản phẩm mangan qua tinh luyện.

Chủ đầu tư : Công ty cổ phần khoáng sản Mangan

Công suất : 17.600 tấn/năm.

Nguyên liệu đầu vào : Nguyên liệu chủ yếu là quặng Mangan, than cốc và một số nguyên liệu phụ gia khác.

2.2. Sự cần thiết đầu tư

- Hợp kim sắt Mangan là một trong những nguyên liệu quan trọng để sản xuất gang thép trên thế giới và trong nước, mà xỉ giàu Mangan là nguyên liệu chính để sản xuất hợp kim sắt Mangan.
- Trong quá trình khai thác sản lượng Quặng Mangan ngày càng tăng, nhưng chất lượng quặng ngày càng giảm do đặc tính cấu tạo địa chất của mỏ và công nghệ tuyển tủa thu ngày càng hiệu quả.

- Theo thông tư số 08/2008/TT-BTC ngày 16/06/2008 của Bộ công thương về việc hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản, từ tháng 9/2008, các đơn vị xuất khẩu quặng thô Mangan thuộc địa bàn Hà Tĩnh không được phép xuất khẩu.
- Trữ lượng quặng Mangan hàm lượng thấp, hàm lượng sắt cao thuận lợi cho nhà máy chế biến quặng Mangan (Hàm lượng Mn từ 20-27%; Fe 11-25%)
- Với những yếu tố trên việc chế biến xỉ giàu Mangan là cần thiết, sẽ làm tăng giá trị của quặng có hàm lượng Mangan thấp, tận thu triệt để tài nguyên khoáng sản, xuất khẩu được Mangan hàm lượng thấp sau khi luyện và cung cấp cho thị trường Việt Nam.

2.3. Địa điểm đầu tư

Đầu tư mua Nhà máy luyện xỉ Mangan Hồng Lĩnh của Tổng Công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh và đầu tư mới máy móc thiết bị.

Địa điểm của Nhà máy: Phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

2.4. Lựa chọn công nghệ đầu tư

Việc đầu tư xây dựng phân xưởng luyện xỉ giàu Mangan sẽ làm tăng giá trị của quặng có hàm lượng Mangan thấp (do đặc tính nguồn nguyên liệu vào luyện có thể dùng loại có hàm lượng: Mn = 23-30%, Fe từ 11-25%, $P_2O_5 > 0,25\%$, cho nên có thể tận thu các nguồn thải giàu và sản phẩm trung gian của nhà máy tuyển Mangan thuộc Công ty CP Mangan), được thực hiện với thiết bị và công nghệ được nhập ngoại, nguyên liệu được nhập từ xí nghiệp khai thác. Với mức đầu tư thấp nhất, mức chất lượng đạt tiêu chuẩn Trung Quốc, với chỉ tiêu xuất khẩu ra nước ngoài là chủ yếu.

2.4.1. Lựa chọn công nghệ:

Quặng Mangan là nguồn lợi hết sức quan trọng trong luyện thép. Đặc điểm các vùng mỏ của Hà Tĩnh là quặng Mangan có hàm lượng Mangan thấp. Do đó phải lựa chọn phương án công nghệ hợp lý để nâng hiệu quả thu hồi và đạt hiệu quả kinh tế tối đa.

Công ty dự kiến lựa chọn công nghệ là: Quặng Mangan hàm lượng thấp cho vào lò luyện cùng than cốc và phụ gia để tạo ra sản phẩm chính là xỉ giàu Mangan và sản phẩm phụ là hợp kim sắt có phốt pho cao.

2.4.2. Quá trình luyện kim:

Phương pháp dùng lò cao để luyện xỉ giàu Mangan trên nguyên lý dùng quặng Mangan hàm lượng thấp, trộn với phụ gia và than cốc tạo quá trình ô xy hoá khử trong lò cao nhờ việc cung cấp ôxy và hơi nóng từ ngoài vào. Các nguyên tố cacbon trong than cốc và ô xy trong hơi nóng sẽ tạo ra phản ứng toả nhiệt. Căn cứ vào quy trình công nghệ và dây chuyền thiết bị lò cao, chia quá trình sản xuất ra làm 3 công đoạn:

Công đoạn chuẩn bị nguyên liệu:

Để chứa nguyên liệu và phối trộn nguyên liệu cho vào lò chúng ta phải có: Bãi chứa nguyên liệu, cân bàn, đường sá vận chuyển nội bộ...

Để cấp liệu vào lò cao sử dụng hệ thống xe goòng, máy tời và đường ray nghiêng. Việc cấp liệu hoạt động theo chu kỳ, đảm bảo kịp thời, liên tục chính xác.

Để phối trộn liệu chính xác phải có hệ thống phân tách nguyên liệu theo từng mẻ để đa ra công thức trộn. Việc trộn phối liệu tiến hành bằng phương pháp thủ công.

Công thức phối liệu: 270Kg quặng + 97 Kg than cốc cho một mẻ liệu.

Công đoạn luyện xỉ:

Sau khi trộn phối liệu xong, nguyên liệu được cấp vào lò cao từ miệng phía trên lò, bằng hệ thống gòng cấp liệu. Khối lượng mỗi gòng cấp liệu và chu kỳ cấp liệu được kỹ thuật Xưởng tính toán. Công nhân vận hành có nhiệm vụ cấp liệu và khí nóng đúng hướng dẫn kỹ thuật và định kỳ lấy sản phẩm ra. Chu kỳ luyện 4 đến 5 giờ, 2 giờ cho ra 1 mẻ sản phẩm, lò làm việc 3 ca liên tục.

Công đoạn phụ trợ:

+ Tạo khí nóng: Khí lò cao được lọc sạch các bụi lò bằng các thiết bị lọc bụi. Khí lò cao có nhiệt độ tương đối cao được dẫn vào hệ thống tạo khí nóng, tại đây khí nóng đi vào phía trong ống trao đổi nhiệt và không khí giàu ô xy đi phía ngoài ống trao đổi nhiệt. Quá trình sấy khí nóng thực hiện xong và được đưa vào lò cao.

+ Hệ thống lấy sản phẩm: Đối với sản phẩm chính là xỉ giàu Mangan (sản phẩm phụ và quặng sắt non) sau khi được tháo ra khỏi lò cao, chúng được phân ly tĩnh và cho vào các khuôn đúc. Các khuôn đúc được làm lạnh để công nhân vận hành tháo sản phẩm.

+ Hệ thống lọc bụi khí lò: Lượng bụi trong khí gas lò cao thường là 20-30g/m³. Do đó bắt buộc phải được lọc sạch bụi bẩn trước khi đưa chúng vào lò tạo khí nóng và thải ra môi trường.

+ Hệ thống cấp nước làm mát: Nước sử dụng phải tiết kiệm và tuần hoàn khép kín để bảo vệ môi trường.

2.4.3- Tóm tắt các đặc điểm của lò cao luyện xỉ giàu Mangan:

- Để không chế Mangan bị ô xy hoá khử và tạo ra nhiều xỉ giàu Mangan người ta thường không chế sử dụng lò cao có nhiệt độ thấp. Sản phẩm chính của lò cao là xỉ giàu Mangan còn quặng sắt non chỉ là sản phẩm phụ, do đó nhiệt lượng dư cho phản ứng ô xy hoá khử là tương đối thấp.

- Qua các phản ứng hoá học xảy ra trong lò cao thì quặng Mangan sau khi chịu nhiệt sẽ bị phân giải bởi khí CO làm biến đổi từ Mn_3O_4 về MnO . Nhưng vật chất ô xy hoá trong lò nhiệt độ cao dễ tác dụng với SiO_2 để tạo muối Silic, đây là chất có điểm nóng chảy thấp. Quặng Mangan dễ bị nung chảy xảy ra trong khu vực rất hẹp, lớp xỉ ban đầu và lớp xỉ cuối cùng có độ bám dính thấp, tạo các lỗ hổng rất thuận lợi cho khí gas lu thông trong lò.

- So với lò cao nấu gang thông thường thì năng suất lò cao luyện xỉ giàu Mangan thường gấp đôi.

- Cường độ của lò luyện xỉ giàu Mangan thường rất kém, lượng bột tương đối cao, do đó hạn chế khả năng thông khí trong lò.

- Trong vận hành hoạt động lò thường không có thêm chất xúc tác A xít mà để cho chất kiềm từ nguyên liệu sẵn có dễ tạo xỉ.



(Hình ảnh một công đoạn của lò luyện xi).

2.5. Tổng mức đầu tư hiệu quả dự án

A, Tổng mức đầu tư: 21.300.000.000 đồng

- Vốn cố định: 11.500.000.000 đồng, dùng để đầu tư Nhà xưởng, máy móc thiết bị xưởng luyện xi Hồng Lĩnh (thông qua việc mua lại của Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà tỉnh - Mitraco) và đầu tư mới một số máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình sản xuất của Nhà máy:

TT	Hạng mục tài sản	Đơn vị cung cấp	Giá trị đầu tư (VNĐ)
I	Nhà cửa vật kiến trúc	Mitraco	1,584,000,000

1	Nhà văn phòng làm việc	Mitraco	192,000,000
2	Nhà ăn, ở và bếp	Mitraco	114,000,000
3	Nhà vệ sinh và các công trình phụ trợ	Mitraco	61,000,000
4	San mặt bằng và hàng rào bảo vệ	Mitraco	118,000,000
5	Nhà bảo vệ và ga ra xe máy	Mitraco	41,000,000
6	Chi phí phòng phân tích và kho	Mitraco	30,000,000
7	Nhà đặt máy tời Xưởng luyện xỉ	Mitraco	92,000,000
8	Sân trộn bê tông nguyên liệu	Mitraco	76,000,000
9	Nhà để quạt gió	Mitraco	51,000,000
10	Móng và thân móng xưởng luyện xỉ	Mitraco	57,000,000
11	Mặt bằng lò luyện xỉ	Mitraco	670,000,000
12	Hồ chứa nước, kè hồ, mương, nhà đặt máy bơm	Mitraco	83,000,000
II	Máy móc thiết bị	Mitraco	6,220,000,000
1	Máy bơm MatraCM 65-125A 7,5Kw	Mitraco	10,000,000
2	Máy bơm MatraCM 65-125A 7,5Kw	Mitraco	10,000,000
3	Bể thép 10m3 (kèm thóc đo)	Mitraco	16,000,000
4	Biến tần Vecto Hitachi SJ 300-110HFE	Mitraco	109,000,000
5	Động cơ điện 3 pha kiểu 3K355-M6,120Kw	Mitraco	77,000,000
6	Máy xúc lật 45 Z4	Mitraco	277,000,000
7	Máy xúc lật 45 Z4	Mitraco	270,000,000
8	Hệ thống lò luyện xỉ	Mitraco	3,059,000,000
9	Máy phát điện GS300K	Mitraco	293,000,000
10	Máy xúc đào	Mua mới	1,600,000,000
11	Cân điện tử	Mua mới	500,000,000

III	Thiết bị dụng cụ quản lý	Mitraco	18,000,000
1	Hệ thống hút khí độc nhà phân tích	Mitraco	9,000,000
2	Máy tính HPDx2100/80HDDMonitor 17	Mitraco	9,000,000
IV	Phương tiện vận tải	Mitraco	1,939,000,000
1	Tủ bù 160KVAR -0,4KV	Mitraco	23,000,000
2	Trạm điện lò xỉ Mangan	Mitraco	116,000,000
3	Xe Oto Hyundai vận tải	Mua mới	1,800,000,000
V	Chi phí liên quan	Mitraco	1,711,000,000
1	Chi phí cấp đất	Mitraco	432,000,000
2	Chi phí khảo sát công nghệ thiết bị	Mitraco	173,000,000
3	Chi phí chuyển giao công nghệ	Mitraco	848,000,000
4	Chi phí khác	Mitraco	71,000,000
5	Chi phí ban dự án trong thời kỳ xây dựng	Mitraco	216,000,000
Tổng cộng		Mitraco	11,500,000,000

- Vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh: 9.800.000.000 đồng

B, Tính toán hiệu quả của dự án

- Vòng đời dự án: tối thiểu 10 năm
- Phương án sản xuất kế hoạch sản xuất hàng năm:
- + Nguyên liệu đầu vào: 25.200 tấn Mangan thô và 9.000 tấn than cốc
- + Kết quả sản xuất: Tỷ lệ thu hồi 70%/ sản phẩm đầu vào tương đương: 17.640 tấn sản phẩm các loại, gồm: 12.348 tấn xỉ giàu Mangan và 5.292 tấn gang
- + Giá bán dự kiến: Xi giàu Mangan: 3.500.000 đồng/tấn, và sản phẩm Gang: 6.000.000 đồng/tấn. Mỗi năm giá tăng khoảng 3%
- + Chi phí: Theo bảng tính toán hiệu quả dự án hàng năm. Tổng chi phí mỗi năm dự kiến tăng 2% so với năm liền trước.

BẢNG TÍNH TOÁN HIỆU QUẢ DỰ ÁN HÀNG NĂM

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
I	Doanh thu				74,970,000,000
1	Quặng giàu Mangan	tấn	12,348	3,500,000	43,218,000,000
2	Gang	tấn	5,292	6,000,000	31,752,000,000
II	Chi phí				71,600,000,000
1	Quặng hỗn hợp	tấn	25,200	415,000	10,458,000,000
2	Chi phí vận chuyển quặng	tấn	25,200	30,000	756,000,000
3	Than cốc	tấn	9,000	5,700,000	51,300,000,000
4	Chi phí vận chuyển than cốc	tấn	9,000	40,000	360,000,000
5	CaF ₂	tấn	2,000	316,000	632,000,000
6	Điện	Kwh	360,000	1,200	432,000,000
7	Khấu hao				1,150,000,000
8	Chi phí lương nhân viên	tháng	12	118,000,000	1,416,000,000
9	BHYT, KPCĐ, BHXH	tháng			269,040,000
10	Chi phí quản lý	Đồng/tấn	17,640	50,000	882,000,000
11	Chi phí bán hàng	2%			1,499,400,000
12	Chi lãi vay				670,560,000
13	Chi phí khác				1,775,000,000
III	Lợi nhuận trước thuế				3,370,000,000
IV	Thuế TNDN	25%			842,500,000
V	Lợi nhuận sau thuế				2,527,500,000

Chỉ tiêu hiệu quả dự án:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Thời gian thu hồi vốn đầu tư	năm	5
2	Giá trị hiện tại ròng (NPV)	tỷ đồng	8
3	Hệ số hoàn vốn nội bộ (IRR)	%	18

(Nguồn: Dự án khả thi đầu tư Nhà máy chế biến quặng Mangan của Công ty cổ phần khoáng sản Mangan)

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tổng số cổ phần Công ty chào bán là **1.780.000** cổ phần, số tiền thu được dự kiến:

STT	Đối tượng phát hành	Số lượng (cổ phần)	Giá phát hành (đồng)	Tiền dự kiến thu được (đồng)
01	Cổ đông hiện hữu	1.700.000	12.000	20.400.000.000
02	Cán bộ, công nhân viên	60.000	10.000	600.000.000
03	Cổ đông chiến lược	20.000	13.000	260.000.000
Tổng cộng		1.780.000		21.260.000.000

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành khoảng **21,26** tỷ đồng. Sau khi kết thúc đợt phát hành, Công ty sẽ sử dụng số tiền thu được theo kế hoạch như sau:

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến quặng mangan - Hồng Lĩnh, mua sắm mới thiết bị	11.500.000.000
2	Vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	9.800.000.000
Tổng cộng		21.260.000.000

Trường hợp Công ty không thu đủ số tiền theo dự kiến, Công ty sẽ thực hiện sử dụng nguồn hỗ trợ tài chính từ các ngân hàng và sự hỗ trợ từ Tổng Công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh (Mitraco) – hiện là Công ty mẹ của Công ty cổ phần khoáng sản Mangan: vốn vay nợ Tổng công ty qua hình thức trả nợ và lãi theo tỷ suất Ngân hàng nhà nước (mua lại tài sản dưới hình thức tính vốn vay)

Về việc lộ trình và nguồn vốn thanh toán tiền mua lại/đầu tư mua lại xưởng chế biến quặng mangan - Hồng Lĩnh từ Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh: Công ty chưa thanh toán lần nào cho Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh (Mitraco) và chờ nguồn vốn huy động được từ việc phát hành cổ phiếu để thực hiện thanh toán.

PHỤ LỤC

- **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- **Phụ lục 2:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty;
- **Phụ lục 3:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007; 2008; 2009;
- **Phụ lục 4:** Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng;
- **Phụ lục 5:** Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua phát hành cổ phiếu;
- **Phụ lục 6:** Các Quyết định của Hội đồng quản trị;

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

I. TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA (IRS)

Địa chỉ : 30 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Điện thoại : (84-4) 944.6666
Fax : (84-4) 944.6969
Website : www.irs.com.vn

II. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)

Địa chỉ : 01 Lê Phụng Hiểu – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 8.241.990
Fax : (84-4) 8.253.973
Website : www.aasc.com.vn

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 4 năm 2010

CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, TRƯỞNG BAN
KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(đã ký)

Phạm Như Tâm

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Nguyễn Đình Lân

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

(đã ký)

Lê Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Đức Dũng